Ngày giảng: Ngày 8 tháng 9 năm 2020

**Tuần 1:**

**Tiết 1,2: ÔN TẬP**

**A. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Đặc điểm, yêu cầu và cách thức tiến hành các thao tác: phân tích, so sánh, bác bỏ, bình luận.

- Yêu cầu và cách thức tóm tắt văn bản nghị luận.

- Yêu cầu và cách thức viết tiểu sử tóm tắt và bản tin.

**2. Kĩ năng**: Phân tích đề, lập dàn ý bài văn nghị luận xã hội, nghị luận văn học.

**3. Thái độ:** Biết vận dụng kiến thức vào văn bản nghị luận

**B. Nội dung ôn tập**

**1. Các đặc điểm thao tác phân tích, so sánh, bác bỏ, bình luận**

***a) Thao tác lập luận phân tích***

**- Ghi nhớ:** là chia nhỏ đối tượng thành các yếu tố bộ phận để xem xét nội dung, hình thức và mối quan hệ bên trong cũng như bên ngoài của chúng, rồi khái quát, phát hiện ra bản chất của đối tượng.

- Bản chất của thao tác phân tích trong văn nghị luận là luôn gắn liền với tổng hợp.

**- Mục đích**: của thao tác phân tích là: làm rõ đặc điểm nội dung, hình thức, cấu trúc và các mối quan hệ bên trong, bên ngoài của đối tượng.

**- Yêu cầu**: của một thao tác lập luận phân tích:

+ Xác định vấn đề phân tích.

+ Chia vấn đề thành những khía cạnh nhỏ.

+ Khái quát tổng hợp.

***\* Cách phân tích***

- Cần dựa trên những tiêu chí, quan hệ nhất định: Quan hệ giữa các yếu tố tạo nên đối tượng, quan hệ nhân quả, quan hệ giữa đối tượng với các đối tượng liên quan, quan hệ giữa người phân tích với đối tượng phân tích.

- Phân tích cần đi sâu vào từng mặt, từng bộ phận nhưng cần lưu ý đến quan hệ giữa chúng với nhau, cần khái quát để rút ra bản chất chung của đối tượng.

***b) Thao tác lập luận so sánh***

**- Ghi nhớ:** So sánh là đối chiếu 2 sự vật, hiện tượng, để thấy được sự giống và khác nhau giữa 2 sự vật, hiện tượng ấy. Có 2 kiểu so sánh: Tương đồng (chỉ ra những nét giống nhau) và tương phản (chỉ ra những nét khác nhau).

***- Mục đích:*** là làm sáng rõ đối tượng đang nghiên cứu trong tương quan với đối tượng khác.

***- Yêu cầu của so sánh***: Khi so sánh phải đặt các đối tượng vào cùng một bình diện, đánh giá trên cùng một tiêu chí mới thấy được sự giống và khác nhau giữa chúng, đồng thời phải nêu rõ ý kiến của người viết.

***c) Thao tác lập luận bác bỏ***

**- Ghi nhớ** : Lập luận bác bỏ là dùng lý lẽ, dẫn chứng đúng đắn, mang tính khoa học để chỉ rõ những sai lầm lệch lạc, thiếu khoa học của một quan điểm, ý kiến nào đó. Nói một cách ngắn gọn, lập luận bác bỏ là dùng thao tác bác bỏ trong bài văn nghị luận.

**- Mục đích:**Trao đổi lại, tranh luận lại để chỉ ra những luận điểm, luận cứ và ý kiến sai nhằm khẳng định lại tính đúng đắn của vấn đề.

**- Yêu cầu:**

- Nắm chắc những sai lầm, lệch lạc trong quan điểm, ý kiến của người khác.

- Đưa ra những dẫn chứng, lý lẽ thuyết phục, mang tính khoa học.

- Kiên định khi bác bỏ với thái độ thẳng thắn, khách quan.

***d) Thao tác lập luận bình luận***

**- Ghi nhớ:** Bình luận là bàn bạc đánh giá về sự đúng sai, thật giả, lợi hại của các hiện tượng đời sống như ý kiến, chủ kiến, việc làm.

**- Mục đích:** Là đánh giá ( xác định phải trái, đúng sai, hay dở) và bàn bạc (trao đổi ý kiến) về một hiện tượng,vấn đề trong đời sống hoặc trong văn học

**- Yêu cầu:**

+ Trình bày rõ ràng, trung thực vấn đề được bình luận.

+ Lập luận để khẳng được nhận xét, đánh giá của mình là đúng đắn.

+ Bàn bạc, mở rộng vấn đề một cách sâu sắc và có sức thuyết phục.

**2. Nội dung ôn tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 1:** Kết hợp các thao tác lập luận thích hợp để viết đoạn văn với đề bài sau: *“Lí tưởng là nguồn sáng và sức mạnh trong đời.”*  **Bài 2:** Kết hợp các thao tác lập luận thích hợp để viết đoạn văn với đề bài sau:  *“Nhà thơ Anh Brao – ninh nói: “Nếu tước bỏ tình yêu thì trái đất sẽ trở thành nấm mồ”*  **Bài 3:** Kết hợp các thao tác lập luận thích hợp để viết đoạn văn với đề bài sau: *“Con người không thể thiếu bạn”*  **Bài 4:** Kết hợp các thao tác lập luận thích hợp để viết đoạn văn với đề bài sau: Tình cảm ruột thịt giữa cha mẹ và con cái là tình cảm tự nhiên nhất, chân thành nhất và thiêng liêng nhất. | **\* Gợi ý bài tập**  - Dẫn dắt tới vấn đề cần nghị luận  - Giải thích “Lí tưởn”g là gì? Là niềm tin, là điều con người tôn thờ... và luôn khao khát hướng tới để đạt được.  - “nguồn sáng” là gì? Là thứ soi rọi cho con người, lí tưởng là nguồn sáng vì nó chỉ cho con người con đường họ phải đi để đạt được lí tưởng. Lí tưởng là “nguồn sáng” vì nó chỉ cho con người con đường họ phải đi để đạt được mục đích, và đó là con đường sáng - con đường thiện.  - Lí tưởng là sức mạnh vì nó tạo ra động lực, thúc đẩy, động viên con người hành động để đạt được mục đích  - Vai trò, ý nghĩa của lí tưởng sống (Tại sao cần có lí tưởng sống?):  + Con người sống có lí tưởng luôn biết rõ con đường mình phải đi, không bị cám dỗ, níu kéo bởi những lợi ích tầm thường, hèn kém.  + Chúng ta có nghị lực và niềm tin trong cuộc đời, biết sống thế nào cho có ý nghĩa, sống thế nào cho đáng sống, sống cho có ích.  + Lí tưởng sống có vai trò quyết định tương lai của mỗi người.  + Nếu không có lí tưởng chúng ta sẽ không xác định được cho bản thân mình một phương hướng kiên định.  + Khi có lí tưởng sống chúng ta sẽ có niềm tin vươ lên đề hoàn thành ước mơ, khát vọng.  - Dẫn chứng: Lí tưởng cộng sản soi sáng con đường đấu tranh của biết bao anh hùng cách mạng, giúp họ vượt chông gai, thử thách... VD: Hồ Chí Minh  - Phản đề: Phê phán những người không có lí tưởng sống, sống trong vỏ ốc, tự tin, không có niềm tin và hoài bão... Nếu tuổi trẻ sống không có lí tưởng sẽ lười học, nhác lao dộng, sẽ sớm nhiễm phải những tệ nạn xã hội như ăn chơi đua đòi, cờ bạc, rượu chè, nghiện ma túy, cướp bóc… Những học sinh “cá biệt’' trong nhà trường hiện nay chú yếu là do cách sống buông thả, sống không có lí tưởng.  - Liên hệ: lí tưởng của bản thân, lí tưởng thế hệ trẻ ngày nay và khẳng định câu nói là đúng.  **\* Gợi ý bài tập**  - Dẫn dắt vấn đề cần nghị luận  - Giải thích tình yêu là gì? Tình yêu là tình cảm yêu thương, quan tâm, chia sẻ,... giữa con người với con người  - “Nấm mồ” biểu tượng cho sự hoang tàn, chết chóc, tăm tối,...  -Ý nghĩa câu nói: Không có tình yêu thế giới sẽ vô cùng tẻ nhạt, buồn thảm, tăm tối.  -Tại sao lại như vậy? Tình cảm, sự yêu thương là thứ gắn kết con người với con người, tình yêu là cơ sở vững chắc của đời sống tinh thần, không có tình yêu sẽ không còn tình người, chỉ còn lại sự lạnh nhạt, hờ hững, buồn tẻ.  - Liên hệ: rút ra bài học, cần biết yêu thương, chia sẻ với người thân, bạn bè, đồng loại vì “Người với người sống để yêu nhau” (Tố Hữu)  (Bạn cần giải thích rõ nghĩa tình yêu theo nghĩa rộng, nghĩa hẹp. Lý giải câu nói của tác giả có nghĩa là gì, biểu hiện…)  **\* Gợi ý bài tập**  - “Bạn” là những người như nào? Người cùng ta chia sẻ vui buồn, giúp đỡ động viên ta.  - Tại sao “con người...bạn”? Vì con người không thể sống cô đơn, cô độc, làm mọi thứ một mình; được lắng nghe và được chia sẻ trở thành một nhu cầu không thể thiếu.  - So sánh: người không có bạn: tẻ nhạt, buồn bã, cô độc; Người có bạn, tình bạn giúp con người sống tốt hơn, làm tốt hơn “giàu vì bạn” như Bá Nha và Chung Tử Kỳ  - Liên hệ: chọn bạn mà chơi, tự xây dựng cho mình một tình bạn đẹp.  **\* Gợi ý bài tập**  - Quan hệ huyết thống giữa cha mẹ và con cái được hình thành như một lẽ tất yếu của đời sống con người. Cha mẹ mong chờ con cái với tất cả khát khao và mong ước  -Tình cảm được hình thành tự nhiên, mang nhiều ân nghĩa: Ơn mẹ mang nặng đẻ đau chín tháng mười ngày, ơn cha sinh thành dưỡng dục...  -Tình cảm giữa cha mẹ và con cái là tình cảm chân thành, tự nhiên, không hề vụ lợi, con lớn lên bằng tình yêu thương, sự hi sinh của cha mẹ, cha mẹ lấy con làm nguồn vui sống...  - Liên hệ, rút ra bài học: Yêu quý, trân trọng cha mẹ, gia đình... |

Ngày giảng: ngày 15 tháng 9 năm 2020

**TUẦN 2**

Tiết 3:

**KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐẦU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 ĐỀN THẾ KỈ XX**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:Một số nét tổng quát về các chặng đường phát triển, những thành tựu chủ yếu và những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ CMTT năm 1945 đến năm 1975.

**2. Kĩ năng** : Rèn luyện năng lực tổng hợp, khái quát, hệ thống hoá các kiến thức đã học về VHVN từ CMTT năm 1945 đến hết thế kỉ XX

**3.Thái độ**: Có quan điểm lịch sử, quan điểm toàn diện khi đánh giá văn học thời kì này; không khẳng định một chiều mà cũng không phủ nhận một cách cực đoan.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Thời đại nào thì văn học ấy. Vậy VHVN từ CMTT 1945 đến 1975 đã tồn tại và phát triển trong những điều kiện, lịch sử, xã hội và văn hóa như thế nào?  **Câu 2:** Văn học Việt Nam 19-15 - 1975 chia làm mấy chặng đường? Gồm những giai đoạn nào? Nêu những thành tựu chủ yếu của mỗi chặng đường. | **-** Hs trình bày  **-** Hs trả lời | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  - CMTT thành công đã mở kỉ nguyên mới cho dân tộc, khai sinh một nền văn học mới gắn liền với lí tưởng độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội.  - Đường lối văn nghệ của Đảng, sự lãnh đạo của Đảng là một nhân tố quan trọng đã tạo nên một nền văn học thống nhất.  - Hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mĩ kéo dài suốt 30 năm đã tạo nên những đặc điểm và tính chất riêng của nền văn học hình thành và phát triển trong điều kiện chiến tranh lâu dài và vô cùng ác liệt.  - Nền kinh tế còn nghèo và chậm phát triển.  - Giao lưu văn hoá hạn chế, chủ yếu tiếp xúc và chịu ảnh hưởng của văn hóa các nước XHCN (Liên Xô, Trung Quốc).  **Câu 2:** Văn học Việt Xam 1945 - 1975 phát triển qua ba giai đoạn:  **a. 1945 - 1954**  -   Chủ đề bao trùm trong những ngày đầu đất nước vừa giành được độc lập (1845 - 1946) là ca ngợi Tổ Quốc và quần chúng cách mạng. Những tác phẩm tiêu biểu: Dân khí miền Trung (Hoài Thanh), Huế tháng Tám, bất tuyệt (Tố Hữu), Ngọn quốc kì, Hội nghị non sông (Xuân Diệu) Tình sông núi (Trần Mai Ninh)...  -   Sau năm 1946, văn học tập trung phản ánh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp: gắn bó sâu sắc với đời sống cách mạng và kháng chiến; hướng tới đại chúng, phản ánh sức mạnh của quần chúng nhân dân, thế hiện niềm tự hào dân tộc và niềm tin vào tương lai tất thắng của cuộc kháng chiến.  -  Các thể loại: truyện ngắn, tiểu thuyết, thơ, kịch, lí luận, nghiên cứu và phê bình văn học,... đều đạt được những thành tựu mới. Có thể kể tên một số tác phẩm tiêu biểu: (Đôi mắt (Nam Cao), Làng (Kim Lân), Vùng mỏ (Vò Huy Tâm), Xung kích (Nguyễn Đình Thi), Đất nước đứng lên (Nguyên Ngọc), tập truyện Truyện Tây Bắc (Tô Hoài), tập thơ Việt Bắc (Tố Hữu), các bài thơ kháng chiến của Hồ Chí Minh: Cảnh khuya, Nguyên tiêu, Báo tiệp... Tây tiến (Quang Dũng), Đồng chí (Chính Hữu), Bản báo cáo Chủ nghĩa Mác -  và vấn đề văn hoá Việt Nam (Trường Chinh).  **b. 1955 - 1964**  -   Chúng ta vừa tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc vừa đấu tranh thống nhất đất nước. Văn học tập trung thể hiện hình ảnh người lao động, ca ngợi những đổi thay của đất nước và con người mới trong bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội đồng thời thể hiện tình cảm sâu nặng với miền Nam ruột thịt, nói lên nỗi đau chia cắt và thể hiện ý chí thống nhất đất nước.  -  Văn học đạt được nhiều thành tựu trên cả ba thể loại:  + Văn xuôi mở rộng đề tài, bao quát được khá nhiều vấn đề, nhiều phạm vi hiện thực đời sống.  + Thơ phát triển mạnh mẽ với nhiều cảm hứng lớn từ đất nước, dân tộc trong sự hài hoà giữa cái riêng và cái chung và đã có nhiều thành tựu nổi bật.  + Kịch đã có những tác phẩm được dư luận chú ý như: Một đảng viên (Học Phi), Ngọn lửa (Nguyễn Vũ), Quẫn (Lộng Chương), Chị Nhàn và Nổi gió (Đào Hồng Cẩm)...  **c. 1965 - 1975**  Toàn bộ nền văn học của cả hai miền Nam, Bắc tập trung vào cuộc chiến đấu chống Mĩ cứu nước với chủ đề bao trùm là ca ngợi tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng.  -  Ở tiền tuyến lớn miền Nam, những tác phẩm viết trong máu lửa của chiến tranh đã phản ánh nhanh nhạy và kịp thời cuộc chiến đấu của quân dân miền Nam anh dũng. Văn học thành công với những tác phẩm văn xuôi của Nguyễn Thi, Nguyễn Trung Thành, Anh Đức, Nguyễn Quang Sáng, Trần Hiếu Minh, Phan Tứ, thơ của Lê Anh Xuân, Nguyễn Khoa Điềm, Giang Nam, Thanh Hải...  -  Ở miền Bắc phải kể đến những tác phẩm truyện kí của Nguyễn Tuân, Nguyễn Thành Long, Nguyễn Kiên, Nguyên Khải, Nguyễn Minh Châu, Hữu Mai, Chu Văn... và nhiều tập thơ của Tố Hữu, Chế Lan Viên, Nguyễn Đình Thi, Xuân Diệu, Phạm Tiến Duật, Nguyễn Duy, Xuân Quỳnh, Bằng Việt, Chính Hữu... Các tác phẩm của các nhà thơ đã phản ánh chân thực, sinh động đời sống chiến trường, sự ác liệt, những hi sinh, tổn thất... trong chiến tranh. Đặc biệt, họ đã dựng nên bức chân dung tinh thần của cả một thế hệ trẻ chống Mĩ. Họ đă đem đến cho nền thơ Việt Nam một tiếng thơ mới mẻ, trẻ trung, sôi nổi.  -   Kịch chống Mĩ cũng có những thành tựu với nhiều tác phẩm đáng ghi nhận đã tạo được tiếng vang lúc bấy giờ như: Quê hương Việt Nam, Thời tiết ngày mai (Xuân Trình); Đại đội trưởng của tôi (Đào Hồng cẩm); Đôi mắt (Vũ Dung Minh)...  -   Nhiều công trình nghiên cứu, lí luận phê bình ra đời và có giá trị, tiêu biểu là những công trình của Đặng Thai Mai, Hoài Thanh, Xuân Diệu, Chế Lan Viên...  **d. Đánh giá những thành tựu chủ yếu của văn học giai đoạn 1945 - 1975**  -  Dựng lên được hình tượng những con người mới trong lao động sản xuất và chiến đấu.  -  Ca ngợi công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc và sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà; ca ngợi sự đổi thay của đất nước và con người cùng tinh thần lạc quan, tin tưởng.  -  Ca ngợi tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng; khơi dậy được tinh thần yêu nước của toàn dân.  -  Nhiều tác phẩm có giá trị nghệ thuật cao biểu hiện sự tìm tòi cách thể hiện mới và cách tân, đánh dấu một bước tiến mới của nền thơ Việt Nam hiện đại: tập trung thể hiện cuộc ra quân của toàn dân tộc, khám phá sức mạnh của con người Việt Nam; khái quát tầm vóc dân tộc trong thời đại mới, tăng cường chất suy tư chính luận, tạo âm vang rộng lớn mang hơi thở thời đại.  -  Mang đến cho văn học tính chất trẻ trung, sôi nổi, lạc quan, yêu đời... |

Ngày giảng: ngày 15 tháng 9 năm 2020

**TUẦN 2**

Tiết 4:

**KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐẦU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 ĐỀN THẾ KỈ XX (tt)**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Một số nét tổng quát về các chặng đường phát triển, những thành tựu chủ yếu và những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ CMTT năm 1945 đến năm 1975.

**2. Kĩ năng** : Rèn luyện năng lực tổng hợp, khái quát, hệ thống hoá các kiến thức đã học về VHVN từ CMTT năm 1945 đến hết thế kỉ XX

**3. Thái độ**:

- Có quan điểm lịch sử, quan điểm toàn diện khi đánh giá văn học thời kì này; không khẳng định một chiều mà cũng không phủ nhận một cách cực đoan.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975.  **Câu 2**: Căn cứ vào hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hoá, hãy giải thích vì sao văn học Việt Nam từ 1975 đến hết thế kỉ XX phải đổi mới?  **Câu 3:** Nêu quá trình phát triển và thành tựu chủ yếu của văn học Việt Nam từ 1975 đến cuối thế kỉ XX. | **-** Hs nêu đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975.  **-** Hs suy nghĩ trả lời  **-** Hs nêu quá trình phát triển và thành tựu chủ yếu của văn học Việt Nam từ 1975 đến cuối thế kỉ XX. | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:** Có 3 đặc điếm cơ bản:  *a****.****Nền văn học chủ yếu vận động theo hướng cách mạng hoá, gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của đất nước Đặc điểm này thể hiện trên các khía cạnh sau:*  -  Đề tài phản ánh là hiện thực cách mạng  -  Nội dung tư tưởng là lí tưởng cách mạng  -  Hai đề tài mà văn học tập trung thể hiện là Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội.  -   Hình tượng chính được thể hiện là người chiến sĩ trên mặt trận vũ trang, những lực lượng khác của dân quân, du kích, thanh niên xung phong, dân công hoả tuyến, giao liên....; cuộc sống mới, con người mới, mối quan hệ giữa những người lao động.  *b. Nền văn học hướng về đại chúng*  *Đặc điểm này thể hiện trên các khía cạnh sau:*  -   Nhà văn gắn bó với nhân dân lao động - những con người bình thường đang “làm ra đất nước" (Khác với văn học trước 1945).  -   Để có được thái độ ấy, đầu tiên nhà văn phải có nhận thức, nhãn quan đúng về nhân dân, có tình cảm tốt đẹp với nhân dân, nhận ra công lao to lớn của họ trong lao động sản xuất và sự nghiệp giải phóng dân tộc (Đôi mắt của Nam Cao, Tiếng hát con tàu của Chế Lan Viên, hay câu nói tâm nguyện của Xuân Diệu: “Tôi cùng xương thịt với nhân dân tôi - Cùng đố mồ hôi cùng sôi giọt máu"...).  -   Nền văn học của ta mang tính nhân dân sâu sắc. Điều đó biểu hiện trong tính văn học như:  + Lực lượng sáng tác: bổ sung những cây bút từ trong nhân dân.  + Nội dung sáng tác: phản ánh đời sống nhân dân, tâm tư, khát vọng, nỗi bất hạnh của họ trong xã hội cũ, phát hiện khả năng và phẩm chất của người lao động, tập trung xây dựng hình tượng quần chúng cách mạng.  + Nghệ thuật: giản dị, dễ hiểu, ngắn gọn, tìm đến những hình thức nghệ thuật quen thuộc với nhân dân, phát huy thể thơ dân tộc.  *c****.****Nền văn học chủ yếu mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng Lãng mạn*  -  Khuynh hướng sử thi: Cảm hứng sử thi là cảm hứng vươn tới những cái lớn lao, phi thường qua những hình ảnh tráng lệ:  + Đề cập tới số phận chung của cả cộng đồng, liên quan đến giai cấp, đồng bào, Tổ quốc và thời đại.  + Nhận vật chính thường tiêu biểu cho lí tưởng chung của dân tộc, gắn bó số phận mình với số phận đất nước, kết tinh những phẩm chất cao đẹp của cộng đồng.  + Cái đẹp ở mỗi cá nhân là ở ý thức công dân, lẽ sống lớn và tình cảm lớn. Nếu nói đến cái riêng thì cũng phải hoà với cái chung.  “Anh yêu em như yêu đất nước  Vất vả đau thương, tươi thắm vô ngần'  (Nguyễn Đình Thi)  + Lời văn mang giọng điệu ngợi ca, trang trọng và đẹp một cách tráng lệ:  “Ôi Việt Nam từ trong biển máu  Người vươn lên như một thiên thần"  (Tố Hữu)  + Người cầm bút nhìn cuộc đời bằng “Con mắt Bạch Đằng - Con mắt Đống Đa".  Nhân vật thường đại diện cho tinh hoa và khí phách, phẩm chất và ý chí của toàn dân tộc, có tính cách và tình cảm phi thường: “Còn một giọt máu tươi còn đập mãi" (Người con gái Việt Nam - Tố Hữu).  + Một số tác phẩm mang đậm không khí núi rừng “Suốt đêm nghe cả rừng Xô man ào ào rung động. Và lửa cháy khắp rừng" (Rừng xà nu - Nguyễn Trung Thành).  -  Khuynh hướng lãng mạn:  + Là khuynh hướng tràn đầy mơ ước, hướng tới tương lai thể hiện qua những câu thơ như: “Trán cháy rực nghĩ trời đất mới - Lòng ta bát ngát bình minh" (Nguyễn Đình Thi) hoặc “Từ trong đổ nát hôm nay - Ngày mai đã đến từng giây từng giờ" (Tố Hữu); hay hình tượng nhân vật như: Chị Sứ (Hòn đất - Anh Đức); Nguyệt (Mảnh trăng cuối rừng - Nguyễn Minh Châu).  + Khẳng định lí tưởng của cuộc sống mới, vẻ đẹp của con người mới, ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng  **Câu 2:**  - Đất nước hết chiến tranh. Các vấn đề hậu chiến nảy sinh: nạn nhân chiến tranh, hoàn cảnh kinh tế chưa phục hồi.  -  Đất nước chuyển sang nền kinh tế thị trường: xã hội thay đổi quan điểm; góc nhìn đối với con người và nghệ thuật (cái nhìn của nhà văn không đơn giản, một chiều như trước mà đa diện hơn, linh hoạt, góc cạnh hơn...).  -  Tiếp xúc rộng rãi với văn hoá thế giới.  -  Nhu cầu của bạn đọc phóng phú và đa dạng hơn trước.  -  Đảng Cộng sản Việt Nam có nhiều đổi mới trong quan điểm chỉ đạo văn học nghệ thuật.  Đất nước bước vào công cuộc đổi mới thúc đẩy nền văn hoá cũng phải đổi mới phù hợp với nguyện vọng của nhà văn và người đọc cũng như quy luật phát triển khách quan của nền văn học.  **Câu 3:**  -  Từ năm 1975 đến năm 1985 là chặng đường chuyển tiếp, trăn trở, tìm kiếm con đường đổi mới. Từ năm 1986 trở đi là chặng đường văn học có nhiều đổi mới mạnh mẽ, sâu sắc và khá toàn diện. Biểu hiện:  + Đề tài văn học chuyển sang hướng nội: Bộc lộ tiếng lòng và những trắc ẩn  + Nở rộ trường ca với mục đích tổng kết, khái quát về chiến tranh.  + Chất nhân bản, nhân văn được đề cao hơn, đi sâu vào những nỗi đau và bất hạnh của từng thân phận con người sau chiến tranh.  -  Các tác giả tiêu biểu cho khuynh hướng đổi mới: Thanh Thảo, Hữu Thỉnh, Nguyễn Đức Mậu, Trầu Mạnh Hảo, Xuân Quỳnh, Nguyễn Duy, Hoàng Nhuận Minh.  + Một số tác phẩm văn xuôi tiêu biểu viết theo tinh thần đổi mới:  Đất trắng (Nguyện Trọng Oánh), Hai người trở lại trung đoàn (Thái Bá Lợi) Đứng trước biển, Cù lao chàm (Nguyễn Mạnh Tuấn), Cha và con ... Gặp gỡ cuối năm (Nguyễn Khải), Mùa lá rụng trong vườn (Ma Văn Kháng), Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành, Chiếc thuyền ngoài xa (Nguyễn Minh Châu), Tướng về hưu (Nguyễn Hữu Thiệp), Bến trông chồng (Dương Hướng) Nỗi buồn chiến tranh (Bảo Ninh), Cát bụi chân ai (Hồi kí của Tô Hoài), |

**4. Củng cố:** Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ CMTT 1945 – 1975.

Ngày giảng: ngày 22 tháng 9 năm 2020

**TUẦN 3**

Tiết 5:

**TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP – PHẦN TÁC GIẢ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Hiểu được những nét khái quát về sự nghiệp văn học, quan điểm sáng tác và những đặc điểm cơ bản trong phong cách nghệ thật của Hồ Chí Minh.

**2. Kĩ năng**: Vận dụng có hiệu quả những kiến thức nói trên vào việc đọc hiểu văn thơ của Người.

**3. Thái độ**:

- Trân trọng di sản văn học của Hồ Chí Minh.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Kết hợp với những hiểu biết của mình, trình bày ngắn gọn tiểu sử của Hồ Chí Minh?  **Câu 2**: Nêu những mốc thời gian hoạt động Cách mạng của Bác?  **Câu 3:** Nêu những nét chính về quan điểm sáng tác văn học, nghệ thuật của Hồ Chí Minh. Quan điếm đó đã giúp anh chị hiểu sâu sắc thêm văn thơ của Người như thế nào?  **Câu 4:** Nêu những nét khái quát về sự nghiệp văn học của Bác. (dựa vào SGK, phần Kiến thức cơ bản đã trình bày ở trên và theo những gợi ý dưới đây)  **Câu 5:** Nêu những nét chính về phong cách nghệ thuật của Hồ Chí Minh? | **-** Hs trình bày  **-** Hs nêu hoạt động cách mạng của Bác  **-** Hs suy nghĩ trả lời  **-** Hs nêu những nét khái quát về sự nghiệp văn học của Bác.  **-** Hs trình bày phong cách nghệ thuật của Hồ Chí Minh | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  **- Xuất thân:** Sinh ngày 19-5-1890, trong một gia đình nhà nho yêu nước.  **- Quê quán:** làng Kim Liên, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An  **- Song thân:**  + Cha là cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc  + Mẹ là cụ bà Hoàng Thị Loan  **- Học vấn:**  + Thời trẻ, học chữ Hán ở nhà  + Học chữ Quốc ngữ và tiếng Pháp tại trường Quốc học Huế.  + Có thời gian dạy học ở trường Dục Thanh (Phan Thiết).  **Câu 2:**  - Quá trình hoạt động cách mạng:  **+ 1911:** ra đi tìm đường cứu nước.  **+ 1919:** gởi tới Hội nghị Véc-xây ″Bản yêu sách của nhân dân An Nam″  **+ 1920:** Dự đại hội Tua, là một trong những thành viên sáng lập Đảng cộng sản Pháp  **+ 1923 - 1941:** Hoạt động ở Liên Xô, Trung Quốc và Thái Lan, tham gia thành lập nhiều tổ chức cách mạng:  ⋅Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội (1925),  ⋅Chủ trì hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản trong nước tại Hương Cảng, Đảng cộng sản Việt Nam.  **+ 1941:** Về nước lãnh đạo cách mạng.  **+ 1942 – 1943:** bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt và giam giữ ở các nhà ngục Quảng Tây, Trung Quốc.  **+ Sau khi ra tù:** về nước, lãnh đạo cách mạng  **+ 1946:** được bầu làm chủ tịch nước VNDCCH.  **+ 2 – 9 – 1969:** Người từ trần.  **Câu 3:**  a. Quan điểm sáng tác văn học nghệ thuật của Hồ Chí Minh:  -  Bác coi văn nghệ là vũ khí chiến đấu phục vụ sự nghiệp cách mạng, bởi vậy nhà văn cũng là một chiến sĩ.  -  Chú trọng tính chân thật và tính dân tộc của văn chương.  -  Chú ý đến mục đích, đối tượng tiếp nhận để lựa chọn nội dung và hình thức thể hiện phù hợp, tạo ra tính đa dạng, phong phú và hiệu quả cao. Người luôn đặt câu hỏi: *Viết cho ai?, Viết để làm gì?, Viết cái gì?* và *Viết như thế nào?*  b. Văn thơ Hồ Chí Minh là một bộ phận gắn bó hữu cơ với sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Người. Quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh giúp ta hiểu sâu sắc hơn các tác phẩm văn học của Người: Đó là những sáng tác chủ yếu nhằm mục đích phục vụ sự nghiệp cách mạng.  **Câu 4:**  *a. Văn chính luận*  -   Viết bằng tiếng Pháp: Gồm những bài đăng trên các báo: Người cùng khổ, Nhân đạo, Đời sống thợ thuyền... đặc biệt là tác phẩm Bản án chế độ thực dân Pháp (1922).  -   Viết bằng tiếng Việt: Tuyên ngôn độc lập (1945), Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (1946), Không có gì quý hơn độc lập tự do (1966).  -   Mục đích văn chính luận của Bác: đấu tranh chính trị, tấn công trực diện kẻ thù được thể hiện những nhiệm vụ của cách mạng qua các thời kì lịch sứ.  -   Đặc điểm nghệ thuật: đa dạng, linh hoạt, kết hợp lí và tình, lời văn chặt chẽ, luôn đứng trên lập trường chính nghĩa để tuyên truyền hoặc tố cáo...  *b. Truyện và kí*  -   Nội dung: Tố cáo thực dân và phong kiến, đề cao những tấm gương yêu nước...  -   Nghệ thuật: tình huống truyện độc đáo, hình tượng sinh động, nghệ thuật trần thuật linh hoạt, giọng văn thâm thuý chứng tỏ Bác là một cây văn xuôi đầy tài năng.  - Tiêu biểu: *Lời than vãn của bà Trưng Trắc* (1922); *Vi hành* (1923); *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu* (1925); *Nhật ký chìm tàu* (1931); *Vừa đi đường vừa kể chuyện* (1963)  *c. Thơ ca*  -  Tập thơ chữ Hán: Ngục trung nhật kí (Nhật kí trong tù)  + Nội dung: Tái hiện bộ mặt tàn bạo của nhà tù Quốc dân đảng, một phần hình ảnh xã hội Trung Quốc. Tập thơ thể hiện bức chân dung tự hoạ con người tinh thần Hồ Chí Minh: khao khát tự do, nghị lực phi thường, giàu lòng nhân đạo, yêu thiên nhiên, Tổ quôc, trí tuệ sắc sảo “một tâm hồn vĩ đại của bậc đại trí, đại nhân, đại dũng" (Nhà văn Viên Ưng - Trung Quốc).  + Nghệ thuật: Đa dạng về bút pháp, hồn thơ tinh thế, vừa cổ điển vừa hiện đại, hình tượng trong thơ luôn vận động, hướng về sự sống tương lai và ánh sáng.  -  Thơ tuyên truyền, cổ động (Con cáo và tổ ong, Ca du kích...).  -  Những bài thơ giải trí trong kháng chiến: Đối nguyệt (Với trăng, Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng), Thu dạ (Đêm thu), Báo tiệp (Tin thắng trận), Cảnh khuya..  **Câu 5:**  Phong cách nghệ thuật của Bác độc đáo mà đa dạng:  -   Văn chính luận: ngắn gọn, súc tích, lí lẽ đanh thép, bằng chứng đầy tính thuyết phục, giàu hình ảnh, giọng văn linh hoạt.  -    Truyện và kí: có tính chiến đấu mạnh mẽ, nghệ thuật trào phúng sắc bén tuy nhẹ nhàng, hóm hỉnh nhưng rất sâu cay, thâm thuý, mang đậm nét Á Đông.  -   Thơ ca: ở những bài mang mục đích tuyên truyền thì lời lẽ giản dị, dễ hiểu, dễ nhớ; còn những bài viết theo cảm hứng thẩm mĩ thì hàm súc "ý tại ngôn ngoại" kết hợp chất tình và chất thép, giản dị mà sâu xa, hồn của tạo vật và lòng người, thiên nhiên chiếm một “địa vị danh dự" (Đặng Thai Mai). Nét bao trùm là: cổ điển mà vẫn hiện đại. |

**4. Củng cố:** Quan điểm sáng tác của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh

Ngày giảng: ngày 22 tháng 9 năm 2020

**TUẦN 3**

Tiết 6: **GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

Nhận thức được sự trong sáng của tiếng Việt biểu hiện ở một phương diện cơ bản và là một yêu cầu đối với việc sử dụng tiếng Việt.

**2. Kĩ năng** : Nâng cao kĩ năng sử dụng tiếng Việt (nói, viết) để đạt được yêu cầu trong sáng.

**3. Thái độ**: Có ý thức, thói quen giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt khi sử dụng; luôn nâng cao hiểu biết về tiếng Việt và rèn luyện các kĩ năng sử dụng tiếng Việt.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  - Gọi học sinh đọc phần ghi nhớ SGK  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Yêu cầu HS tìm những từ ngữ tiêu biểu mà tác giả dùng để miêu tả diện mạo hoặc tính cách nhân vật trong Truyện Kiều?  **Câu 2:**  Đoạn văn của Chế Lan Viên đã được bỏ dấu câu. Hãy đặt lại dấu câu vào vị trí thích hợp để đảm bảo sự trong sáng của đoạn văn?  **Câu 3:** Nhận xét từ việc dùng từ nước ngoài trong trường hợp sau. Hãy thay bằng từ ngữ tiếng Việt đối với những trường hợp “lạm dụng". | **-** Hs đọc  **-** Hs tìm những từ ngữ tiêu biểu  **-** Hs đặt dấu câu  **-** Hs nhận xét | **I. Lý thuyết**  *-* Ghi nhớ: SGK  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  Các từ ngữ Nguyễn Du và Hoài Thanh nói về các nhân vật rất chuẩn xác vì miêu tả đúng diện mạo hoặc lột tả được tính cách nhân vật.  - Kim Trọng: *rất mực chung tình*  - Thuý Vân: *cô em gái ngoan*  - Hoạn Thư: *người đàn bà bản lĩnh khác thường, biết điều mà cay nghiệt*  - Thúc Sinh: *sợ vợ*  - Từ Hải: *chợt hiện ra, chợt biến đi như một vì sao lạ*  - Tú Bà: màu da ″*nhờn nhợt*″  - Mã Giám Sinh: ″*mày râu nhẵn nhụi*″  - Sở Khanh:  *chải chuốt dịu dàng*  - Bạc Bà, Bạc Hạnh: *miệng thề ″xoen xoét″*  **Câu 2:**  Điền dấu để thành đoạn văn như sau:  “Tôi có lấy ví dụ về một dòng sông. Dòng sông vừa phải trôi chảy vừa phải tiếp nhận - dọc đường đi của mình - những dòng nước khác. Dòng ngôn ngữ cũng vậy - một mặt nó phải giữ bản sắc cố hữu của dân tộc nhưng nó không được phép gạt bỏ, từ chối những gì mà thời đại đem lại". Cách điền khác:  -  Thay cho hai dấu gạch ngang ở câu 2 là dấu ngoặc đơn.  -  Thay cho dấu gạch ngang ở câu 3 là dấu hai chấm.  **Câu 3:**  -  Nhận xét: có sự lạm dụng từ nước ngoài (tiếng Anh)  -  Các từ “lạm dụng" là:  file, hacker  -   Lần lượt thay thế bằng các từ:  tập tin, tin tặc - kẻ đột nhập trái phép. |

**4. Củng cố:** Sự trong sáng của tiếng Việt được biểu lộ ở những phương diện nào?

Ngày giảng: ngày 29 tháng 9 năm 2020

**TUẦN 4**

Tiết 7: **TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP – PHẦN TÁC PHẨM**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Hiểu nội dung chính của Tuyên ngôn Độc lập: một bản tổng kết về lịch sử dân tộc dưới ách thực dân Pháp - một thời kì lịch sử đau thương nhưng vô cùng anh dũng trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và khẳng định mạnh mẽ quyền độc lập tự do của nước Việt Nam trước toàn thế giới

- Hiểu được giá trị của áng văn nghị luận chính trị bất hủ: lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, bằng chứng hùng hồn.

**2. Kĩ năng** : Viết văn bản nghị luận xã hội.

**3. Thái độ**: Bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Bản tuyên ngôn ra đời trong hoàn cảnh của thế giới và Việt Nam như thế nào?  **Câu 2**: Trước tình hình như thế, theo em, đối tượng mà bản tuyên ngôn hướng đến là những ai? Bản tuyên ngôn được viết ra nhằm mục đích gì?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:**  Việc trích dẫn Tuyên ngôn độc lập (1776) của nước Mĩ và Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền (1791) của Cách mạng Pháp trong phần mở đầu có ý nghĩa gì?  **Câu 2:** Trong phần thứ hai của bản tuyên ngôn, tác giả đã lập luận như thế nào để khẳng định quyền độc lập tự do của nước Việt Nam ta?  **Câu 3**: Tuyên ngôn độc lập thể hiện phong cách nghệ thuật của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong văn chính luận: ngắn gọn, trong sáng, giản dị mà súc tích, đanh thép, sắc sảo. Hãy làm sáng tỏ điều đó? | **-** Hs trả lời  **-** Hs suy nghĩ trình bày  **-** Hs trình bày ý nghĩa  **-** Hs trả lời cách lập luận của tác giả  **-** Hs trả lời | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  Hoàn cảnh sáng tác:  - Thế giới:  + Chiến tranh thế giới thứ hai sắp kết thúc: Hồng quân Liên Xô tấn công vào sào huyệt của phát xít Đức,  + Nhật đầu hàng Đồng minh  - Trong nước:  + CMTT thành công, cả nước giành chính quyền thắng lợi.  + Ngày 26 tháng 8 năm 1945: Chủ tịch Hồ Chí Minh từ chiến khu Việt Bắc về tới Hà Nội  + Ngày 28 tháng 8 năm 1945: Bác soạn thảo bản *Tuyên ngôn độc lập* tại tầng 2, căn nhà số 48, phố Hàng Ngang, Hà Nội.  + Ngày 2 tháng 9 năm 1945: Bác đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* tại quảng trường Ba Đình, Hà Nội, khai sinh nước VNDCCH.  **Câu 2:** Mục đích sáng tác:  - Công bố nền độc lập của dân tộc, khai sinh nước Việt Nam mới trước quốc dân và thế giới  - Cương quyết bác bỏ luận điệu và âm mưu xâm lược trở lại của các thế lực thực dân đế quốc.  - Bày tỏ quyết tâm bảo vệ nền độc lập dân tộc.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Mở đầu bản Tuyên ngôn độc lập, tác giả đưa ra dẫn chứng từ hai tuyên ngôn nổi tiếng là Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền (1791) của Cách mạng Pháp và Tuyên ngôn độc lập (1776) của nước Mĩ, khẳng định quyền con người và quyền các dân tộc. Cách viết sắc sảo đã đem lại ý nghĩa sâu sắc cho bản tuyên ngôn được viết trong hoàn cảnh lịch sử lúc bây giờ.  - Đây là nghệ thuật “gậy ông đập lưng ông", “dùng khoá của địch khoá miệng địch", lấy lí lẽ của nước người để phản bác những âm mưu của chính các nước đó. Tác giả đã rất linh hoạt khi kết hợp ý kiến của người với ý kiến của mình: “Suy rộng ra câu ấy có có nghĩa là...”. Từ khẳng định quyền con người, Bác đã chuyển sang quyền của các dân tộc: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do".  - Đồng thời, như thế cũng là cách Bác đặt cuộc cách mạng của nhân dân ta năm 1945 ngang hàng với cuộc cách mạng của Pháp và Mĩ, đặt bản Tuyên ngôn Độc lập của Việt Nam ngang hàng với hai bản Tuyên ngôn của hai nước lớn đó, khẳng định về quyền tự chủ và vị thế bình đẳng của dân tộc ta trên toàn thế giới.  - Ra đời trong bối cảnh Chiến tranh thế giới thứ hai vừa kết thúc, các nước đồng minh đang tranh giành ảnh hưởng đòi chia quyền kiểm soát những vùng bọn phát xít từng chiếm đóng. Bản Tuyên ngôn độc lập không chỉ nói với nhân dân Việt Nam, các nước trên thế giới mà còn hướng tới bọn thực dân đế quốc, ngăn chặn ngay ý đồ chiếm lại nước ta một lần nữa của thực dân Pháp. Đồng thời khẳng định cuộc đấu tranh giành độc lập tự do của nhân dân Việt Nam. Chống phát xít, chống đế quốc là cuộc đấu tranh chính nghĩa (thực hiện quyền độc lập, tự do, bình đẳng - lẽ phải thông thường mà chính các nước Pháp, Mĩ đã từng tuyên bố), buộc chính các nước thực dân, đế quốc không được phép coi thường, phủ nhận.  Cách lập luận này của tác giả rất chặt chẽ, đầy tính chiến đấu.  **Câu 2:**  \* Pháp nhân danh "khai hóa", Bác đã vạch trần tội ác của chúng trên 2 phương diện:  - Tội ác gây ra trên mọi mặt đời sống:  +   Về chính trị: Chúng tuyệt đối không cho... chúng thi hành... chúng lập ra nhà tù... chúng ràng buộc... chúng dùng thuốc phiện...  +  Về kinh tế: Chúng bóc lột... chúng cướp... chúng giữ...  +   Về quân sự: khi phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương... thực dân Pháp quỳ gốì đầu hàng.... bỏ chạy không bảo hộ được nước ta... bán nước ta hai lần cho Nhật... lại thẳng tay khủng bố Việt Minh... nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị...  - Gây tội ác cho mọi đối tượng tầng lớp: *dân cày, dân buôn, tư sản, công nhân, học sinh…*  *->* Tất cả những hành động mang danh “khai hóa” của thực dân Pháp trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.  \* Pháp nhân danh "bảo hộ", Bác nêu rõ: chúng không những không bảo hộ được mà "*trong vòng 5 năm đã bán nước ta hai lần cho Nhật*".  “Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng minh, thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật” (*từ đây, 2 nước cùng thống trị nước ta*)  + “Ngày 9 tháng 3 năm 1945, Nhật tước khí giới của quân đội Pháp. Bọn thực dân Pháp hoặc là bỏ chạy, hoặc là đầu hàng” (*Nhật đảo chính, lật đổ chính quyền Pháp, độc chiếm ĐD*)  \* Pháp nhân danh Đồng minh, tuyên bố Đồng minh đã thắng Nhật, chúng có quyền lấy lại Đông Dương. Bản Tuyên ngôn vạch rõ chúng chính là kẻ phản bội Đồng minh, đã 2 lần dâng Đông Dương cho Nhật, cũng có nghĩa chúng đã quay lưng với Đồng minh trong cuộc tấn công phe phát xít. Hơn thế nữa, trước khi Nhật đảo chính, “*biết bao lần Việt Minh đã kêu gọi người Pháp liên minh để chống Nhật*”, nhưng bọn thực dân Pháp đều không đáp ứng.  \* Pháp luôn tuyên bố Đông Dương là thuộc địa của Pháp, Pháp có quyền trở lại Đông Dương. Bác vạch rõ: Đông Dương đã trở thành thuộc địa của Nhật và nhân dân ta đứng lên giành lại quyền độc lập từ tay Nhật chứ không phải từ tay Pháp.  Đoạn văn được viết với khí thế hừng hực của ngọn lửa căm hờn quân xâm lược và lòng yêu nước, thương dân. Những hình ảnh chân thực, tư liệu chính xác, điệp từ chúng nhắc lại liên tiếp làm cho âm hưởng đoạn văn càng thêm nhức nhối, tạo nên sức mạnh cho lời tuyên bố độc lập, chủ quyền của dân tộc Việt Nam:  “Bởi thế cho nên chúng tôi, lâm thời Chính phủ của nước Việt Nam mới, đại biểu cho toàn dân Việt Nam, tuyên bố thoát li hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xoá bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã kí"...  **Câu 3:**  Biểu hiện phong cách văn chính luận của Bác trong Tuyên ngôn độc lập:  a. Ngắn gọn, giản dị, súc tích: tả một nội dung lớn diễn trong thời gian gần một thế kỉ, nhưng tác giả đã cô đọng lại trong vài ba trang giấy. Ngôn từ giản dị, dễ hiểu. Cách diễn đạt ngắn gọn nhưng giàu ý tứ.  b. Trong sáng  -   Trong sáng ở việc dùng từ đặt câu, tuân thủ các nguyên tắc và chuẩn mực của tiếng Việt.  -  Trong sáng về tư tưởng tình cảm. Thái độ rõ ràng, yêu ghét phân minh trên lập trường chính nghĩa.  c. Đanh thép, sắc xảo: là biểu hiện tính chiến đấu không khoan nhượng, thái độ dứt khoát thể hiện một bản lĩnh vững vàng, phi thường, sắc sảo ở trí tuệ, lối lập luận chặt chẽ, sắc bén.  Bản tuyên ngôn được viết với cách lập luận chặt chẽ. Người đưa ra những lí lẽ đanh thép, những bằng chứng hùng hồn không ai chối cãi được. Ngòi bút chính luận vừa hùng hồn vừa trữ tình; cách dùng từ, đặt câu hết sức linh hoạt, Tuyên ngôn độc lập vừa có giá trị lịch sử lớn lao, vừa xứng đáng là áng thiên cổ hùng văn của thời đại ngày nay. |

**4. Củng cố:** Ý nghĩa cách mở đầu bản *Tuyên ngôn Độc lập.*

Ngày giảng: ngày 29 tháng 9 năm 2020

**TUẦN 4**

Tiết 8: **GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT (tt)**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**: Nhận thức được sự trong sáng của tiếng Việt biểu hiện ở một phương diện cơ bản và là một yêu cầu đối với việc sử dụng tiếng Việt.

**2. Kĩ năng** : Nâng cao kĩ năng sử dụng tiếng Việt (nói, viết) để đạt được yêu cầu trong sáng

**3. Thái độ**: Có ý thức, thói quen giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt khi sử dụng; luôn nâng cao hiểu biết về tiếng Việt và rèn luyện các kĩ năng sử dụng tiếng Việt.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Muốn giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, chúng ta phải có thái độ và tình cảm như thế nào đối với tiếng Việt?  **Câu 2:** Để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, mỗi người cần có hiểu biết về tiếng Việt hay không? Và là thế nào để có những hiểu biết về tiếng Việt?  **Câu 3:** Về mặt hành động, để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, mọi người cần sử dụng tiếng Việt như thế nào?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Yêu cầu học sinh phân tích từng câu văn để tìm ra những câu văn *“trong sáng”* và những câu *“không trong sáng”?*  **Câu 2:**  Yêu cầu học sinh phân tích để tìm ra những từ nước ngoài nào không nên sử dụng và thay thế bằng từ khác để đảm bảo sự trong sáng của tiếng Việt. | **-** Hs trả lời  **-** Hs suy nghĩ trả lời  **-** Hs trình bày  **-** Hs phân tích câu văn  **-** Hs phân tích | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  *-* Về thái độ, tình cảm:  - Cần có ý thức tôn trọng và yêu quý tiếng Việt, xem đó là  *”thứ của cải vô cùng lâu đời và quí báu của dân tộc”*  **Câu 2:**  - Để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, mỗi người cần có những hiểu biết về tiếng Việt   (Cần có những hiểu biết cần thiết về các chuẩn mực của tiếng Việt: ngữ âm, chữ viết, từ ngữ, ngữ pháp)  - Hiểu biết đó không chỉ qua học tập ở trường, mà còn bằng tự học hỏi.  **Câu 3:**  Sử dụng tiếng Việt theo chuẩn mực và quy tắc, trong đó có các quy tắc chuyển hoá, biến đổi.  - Không lạm dụng tiếng nước ngoài làm vẩn đục tiếng Việt.  - Tránh những lối nói thô tục, thiếu văn hoá**.**  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Câu *a*không trong sáng (có sự lẫn lộn giữa trạng ngữ *muốn xóa bỏ sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn* và chủ ngữ ) vì dùng thừa từ *đòi hỏi*.  - Các câu *b, c, d*  viết đúng chuẩn ngữ pháp nên là những câu trong sáng.  **Câu 2:**  - Dùng từ *Tình nhân*thì thiên về việc nói đến con người hơn là ngày lễ  - Dùng từ *Valentine* là từ vay mượn nên không cần thiết.  → Dùng từ  (*ngày*) *Tình yêu* là đủ diễn đạt nội dung và sắc thái tình cảm. Không nhất thiết dùng từ nước ngoài.  - Trong lời quảng cáo dùng 3 hình thức biểu hiện cùng 1 nội dung: *ngày lễ tình nhân, ngày Valentine, ngày Tình yêu*.  → Cùng biểu hiện ý nghĩa cao đẹp là tình cảm con người.  - Từ cần thay thế: *ngày Valentine*  → *ngày lễ tình nhân, ngày Tình yêu.* |

***4. Củng cố:*** - Mỗi người cần có ý thức như thế nào để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt?

Ngày giảng: ngày 5 tháng 10 năm 2020

**TUẦN 5**

Tiết 9:

**NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU – NGÔI SAO SÁNG TRONG**

**VĂN NGHỆ DÂN TỘC**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Những ý kiến sâu sắc, có lí, có tình của Phạm Văn Đồng về thân thế và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu

- Những giá trị lớn lao của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu đối với thời đại bấy giờ và đối với ngày nay.

**2. Kĩ năng** :  Đọc hiểu văn bản nghị luận theo đặc trưng thể loại

**3. Thái độ**:  Thêm yêu quý con người và tác phẩm của nhà thơ lớn đó.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Dựa vào phần *Tiểu dẫn*, nêu những nét chính về tác giả?  **Câu 2:** Nêu hoàn cảnh ra đời của bài viết?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Theo tác giả, vì sao văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu cũng giống như “những vì sao có ánh sáng khác thường" “con mắt của chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy?    **Câu 2:** Tác giả Phạm Văn Đồng giúp chúng ta nhận ra những “ánh sáng khác thường" như thế nào trên bầu trời văn nghệ dân tộc?  **Câu 3**: Vì sao tác giả lại cho rằng ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu đáng lẽ ra phải sáng tỏ hơn nữa, không chỉ trong thời ấy mà cả trong thời đại hiện nay? | - Hs trình bày vè tác giả  **-** Hs nêu hoàn cảnh ra đời  **-** Hs suy nghĩ trả lời  **-** Hs phân tích  **-** Hs suy nghĩ trả lời | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  **-**Phạm Văn Đồng (1906 – 2000).  - Quê: xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.  - Là một nhà Cách mạng lớn của nước ta trong thế kỉ XX.  - Quá trình hoạt động cách mạng:  + Tham gia các hoạt động yêu nước và cách mạng từ khi chưa đầy 20 tuổi.  + 1929 – 1936: bị thực dân Pháp bắt, kết án tù và đày ra Côn Đảo  + Đầu những năm 1940: được giao nhiệm vụ xây dựng căn cứ cách mạng ở vùng biên giới Việt – Trung, được bầu vào Ủy ban Dân tộc giải phóng.  + Từng đảm nhiệm các cương vị:  ο Bộ trưởng Bộ Tài chính  ο Bộ trưởng Bộ ngoại giao  ο Phó thủ tướng  ο Thủ tướng (1955-1981)  ο Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng (1981-1987)  → Được đánh giá là một trong những học trò xuất sắc của chủ tịch Hồ Chí Minh.  - Ông còn là một nhà giáo dục tâm huyết, nhà lí luận văn hoá văn nghệ lớn.  - Có những tác phẩm đáng chú ý về văn học nghệ thuật, bởi:  + Quan niệm: viết cũng là một cách phục vụ cách mạng  + Quan tâm, am hiểu và yêu thích văn học nghệ thuật.  + Vốn sống lịch lãm, tầm nhìn sâu sắc, nhân cách lớn à đủ để đưa ra những nhận định đúng đắn, mới mẻ, sắc sảo về những vấn đề văn học nghệ thuật  - Tác phẩm tiêu biểu: *Tổ quốc ta, nhân dân ta, sự nghiệp ta  và người nghệ sĩ.*  **Câu 2:**  a. Hoàn cảnh ra đời:  - Viết nhân kỉ niệm 75 năm ngày mất của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu (3 – 7 – 1888), đăng trên tạp chí Văn học tháng 7 – 1963.  - Hoàn cảnh năm 1963: Tình hình miền Nam có nhiều biến động lớn  + Mĩ tài trợ và can thiệp sâu hơn vào cuộc chiến tranh  + Phong trào đấu tranh chống Mĩ và tay sai nổi lên khắp nơi, tiêu biểu là phong trào Đồng Khởi.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  Văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu cũng giống như “những vì sao có ánh sáng khác thường" “con mắt của chúng ta phải chăm chú mới nhìn thấy và “càng nhìn càng tháy sáng" vì những lí do sau:  -   Lâu nay, người ta có thói quen nhìn các nhà thơ ở bình diện nghệ thuật theo kiểu chau truốt, gọt giũa lời lẽ hoa mĩ... Văn chương Nguyễn Đinh Chiểu không óng mượt, nõn nà mà chân chất, có chỗ tưởng như thô kệch. Vì lẽ đó mà phải chăm chú nhìn thì mới có thể càng nhìn càng thấy sáng.  -   Ánh sáng khác thường mà tác giả nói đến ở đây chính là vẻ đẹp mộc mạc, giản dị, dân dã của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu - vẻ đẹp cùa loại văn chương hướng về đại chúng, gắn bó máu thịt với nhân dân, phục vụ nhân dân, mang tính nhân dân sâu sắc.  -   Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu đẹp bởi tư tưởng, tình cảm nồng hậu, cao quý của nhân dân. “Nó không phải là vẻ đẹp của những cây lúa xanh uốn mình trong gió nhẹ. Nó đẹp vẻ đẹp của đống thóc mẩy vàng Nguyễn Đình Chú). Vẻ đẹp khác thường này càng đáng quý hơn bội phần khi ta biết nhà thơ đã sáng tác trong hoàn cảnh mù loà, cuộc sống gặp nhiều khó khăn và bất hạnh.  -   Nhận xét của Phạm Văn Đồng có ý nghĩa phương pháp luận trong việc nghiên cứu, đánh giá thơ văn Nguyễn Đình Chiểu. Đó là sự điều chỉnh về cách nhìn để có một định hướng đúng đắn trong việc nghiên cứu, tiếp cận một nhà thơ như Nguyễn Đình Chiểu.  **Câu 2:**  Xét về cuộc đời, đạo đức và tư tưởng, nghệ thuật trong sáng tác văn học của Nguyễn Đình Chiểu, Phạm Văn Đồng đã cho ta thấy:  -   Cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu là tấm gương sáng chói về tinh thần yêu nước cháy bỏng và lòng căm thù giặc sâu sắc.  + Cuộc đời dù gặp nhiều khó khăn bất hạnh, nhưng vẫn đứng thẳng- ngẩng cao đầu , sống không phải vì mình mà vì dân, vì nước theo tư tưởng: “Kiến nghĩa bất vi vô dõng dã"; tỏ thái độ bất khuât, bất hợp tác quyết liệt trước sự mua chuộc của thực dân Pháp. Đó là một cuộc sống đẹp, đầy nghị lực, đáng trân trọng.  + Nguyễn Đình Chiểu có quan niệm sáng tác đúng đắn và tiến bộ: “Chở bao nhiêu đạo thuyền không thẳm/ Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà". Đó là thơ văn chiến đấu, đánh thẳng vào ngoại xâm và tôi tớ của chúng. Đối với Nguyễn Đình Chiểu, cầm bút viết văn là một thiên chức - ông đã làm đúng thiên chức đó.  -    Sáng tác thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu luôn là vũ khí chiến đá chống bọn xâm lược, ngợi ca chính nghĩa, đạo đức ở đời.  + Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu phục vụ đắc lực cho cuộc kháng chiến chống Pháp, bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta. Đó là những tác phẩm làm sống lại trong tâm trí người đọc trong phong trào kháng Pháp của nhân dân Nam bộ suốt hai mươi năm trời. Là những tác phẩm sôi sục lòng căm thù và dạt dào yêu nước với những hình tượng người nông dân nghĩa sĩ đẹp đẽ (Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc), những lãnh tụ của ngàn quân, những tấm gương bất khuất trước kẻ thù (Văn tế Trương Định)...  + Truyện thơ của Nguyễn Đình Chiểu là những bài ca hào hùng mà thiết tha về lí tưởng đạo đức của nhân dân, ca ngợi những con người trọng nghĩa kính tài, trước sau một lòng, dù khổ cực, gian nguy, quyết phấn đấu vì nghĩa lớn.  - Truyện *Lục Vân Tiên* là một bài thơ hào hùng mà thiết tha lí tưởng đạo đức của nhân dân, ca ngợi những con người trọng nghĩa, khinh tài, trước sau một tấm lòng, mặc dầu khổ cực, gian nguy quyết phấn đấu vì nghĩa lớn như Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga, Tiểu Đồng, Vương Tử Trực, Hán Minh… Bằng cách nhìn mới mẻ mà đúng đắn, tác giả đã có sự nhìn nhận và đánh giá lại "*giá trị văn nghệ của bản trường ca thật là hấp dẫn từ đầu đến cuối*" này. Đây là một sự "*điều chỉnh*" cần thiết để khôi phục lại giá trị nghệ thuật như vốn có của tác phẩm.  **Câu 3:**  Ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu đáng lẽ phải sáng tỏ hơn nữa vì:  -   Cho đến nay, vẫn còn rất ít người biết đến thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu; có một số người  thậm chí còn “chê" văn thơ của ông là thô ráp, nôm na.  -   Trong khi đó với những phẩm chất đạo đức và những thành công nghệ thuật, hiệu quả mà văn chương yêu nước của ông đưa lại, có thể khẳng định Nguyễn Đình Chiểu xứng đáng là lá cờ đầu của thơ ca chống Pháp, cần được giương cao hơn nữa trong thời đại của ông và ngay cả thời đại ngày nay.  -  Phải sáng tỏ hơn nữa trong thời đại hiện nay là đế khôi phục lại giá trị đích thực của thơ văn yêu nước lớn miền Nam từng có tác dụng to lớn và sâu rộng trong nhân ta, không chỉ trong thời bấy giờ mà ngay cả trong cuộc sống hiện nay. |

***4. Củng cố:*** Nhận xét về cách viết của tác giả trong bài văn nghị luận này.

Ngày giảng: ngày 5 tháng 10 năm 2020

**TUẦN 5**

Tiết 10:

**MẤY Ý NGHĨ VỀ THƠ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Những ý kiến sâu sắc, có lí, có tình của Phạm Văn Đồng về thân thế và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu

- Những giá trị lớn lao của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu đối với thời đại bấy giờ và đối với ngày nay.

**2. Kĩ năng** :   Đọc – hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

**3. Thái độ**:  Tình yêu văn học

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **-** Nguyễn Đình Thi lí giải về đặc trưng cơ bản nhất của thơ: Thơ là biểu hiện của tâm hồn con người như thế nào?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Nguyễn Đình Thi lí giải như thế nào về đặc trưng cơ bản nhất của thơ là biểu hiện tâm hồn con người?  **Câu 2:** Những yếu tố đặc trưng khác của thơ (hình ảnh, tư tưởng, cảm xúc, cái thực...) đã được Nguyễn Đình Thi đề cập ra sao?  **Câu 3**: Nêu rõ tài hoa của Nguyễn Đình Thi trong nghệ thuật lập luận đưa dẫn chứng, sử dụng từ ngữ, hình ảnh... để làm sáng tỏ từng vấn đề đặt ra. | **-** Hs trình bày  **-** Hs suy nghĩ trả lời  **-** Hs nêu những yêu tố đặc trưng của nhà thơ  **-** Hs trình bày tài hoa của Nguyễn Đình Thi | **I. Lý thuyết**    Đặc trưng cơ bản nhất của thơ: thể hiện tâm hồn con người.  - Đặt ra một câu hỏi: không mang nghĩa nghi vấn mà khẳng định:  ″*Đầu mối của thơ có lẽ ta đi tìm bên trong tâm hồn con người chăng?″*.  - Khởi đầu một bài thơ: phải có ″*rung động thơ*″, sau đó mới ″*làm thơ*″.  - Rung động thơ:  + có được khi tâm hồn ra khỏi trạng thái bình thường;  + do có sự va chạm với thế giới bên ngoài, với thiên nhiên, với những người khác mà tâm hồn thức tỉnh, bật lên những tình ý mới mẻ.  - Còn làm thơ:  + là thể hiện những rung động của tâm hồn con người bằng lời nói (tức là chữ).  + Những lời, những chữ ấy phải có sức mạnh truyền cảm tới người đọc, khiến ″*mọi sợi dây của tâm hồn rung lên″.*  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  -   Đế làm nổi bật đặc trưng cơ bản nhất của thơ là biểu hiện tâm hồn con người, Nguyễn Đình Thi đã phân tích, lí giải về mối quan hệ giữa thơ với tâm hồn của con người bằng cách đưa ra một loạt dẫn chứng:  “Ta nói trời hôm nay nên thơ, nhưng chính ra là lòng chúng ta mong một nỗi niềm vui buồn nào mà muốn làm thơ, hoặc đọc thơ về trời xanh. Mưa phùn như chính nỗi nhớ nhung gặp buổi chiều mưa mà muốn thì thầm những câu thơ chưa thành hình rõ".  + “Làm một câu thơ yêu, tâm hồn cũng rung động như khi có người yêu trước mặt".  + Những câu, những lời thơ diễn lên “làm sống ngay lên một tình cảm, một nỗi niềm trong lòng người đọc".  + “Thơ là tiếng nói đầu tiên, tiếng nói thứ nhất của tâm hồn khi đụng chạm với cuộc sống".  Qua đó tác giả muốn nhấn mạnh giữa thơ với tâm hồn con người có sự tác động qua lại lẫn nhau.  -   Tiếp theo tác giả đưa ra đặc điểm của thơ để khẳng định thơ diễn tả tâm hồn con người.  + “Thơ là một thứ nhạc", “Một thứ nhịp điệu bên trong, một thứ nhịp điệu của hình ảnh, tình ý" nhưng nói chung những cái đó là “của tâm hồn".  + Nhịp điệu thơ được hình thành từ những cảm xúc, hình ảnh và trong khoảng im lặng “cũng là nơi lưu trú ngụ kín đáo của sự xúc động".  -   Cuối cùng tác giả kết luận “đường đi của thơ là đi thẳng vào tình cảm ". Điều đó có nghĩa thơ là phương tiện biểu hiện của tâm hồn con người.  **Câu 2:**  Bên cạnh việc thể hiện tâm hồn con người còn mang nhiều yếu tố đặc trưng cơ bản khác cũng được Nguyễn-Đình Thi đề cập đến.  -   Hình ảnh thơ: “là hình ảnh thực nẩy lên trong tâm hồn khi ta sống trong một cảnh huống hoặc trạng thái nào đấy", ví như “những tia lửa loé lên khi búa đập vào sắt trên đi" được thu lượm kết nên một bó sáng.  -  Tư tưởng trong thơ: “những tư tưởng trong thơ là tư tưởng dính liền với cuộc sống, ở trong cuộc sống. Tư tưởng của nhà thơ nằm ngay trong cảm xúc, tình tự".  -   Cảm xúc trong thơ: “Cảm xúc là phần xương thịt hơn cả đời sống tâm hồn", “bất cứ cảm xúc tình tự nào của con người cũng dính liền với sự suy nghĩ".  -   Cái thực trong thơ: “là những hình ảnh sống có sức lôi cuốn và thuyết phục người đọc. Đó là những hình ảnh chưa có vết nhoà của thói quen, không bị dập khuôn vào những ý niệm trừu tượng định trước".  **Câu 3:**  Nét tài hoa của Nguyễn Đình Thi trong bài tiểu luận. Mấy ý nghĩ về thơ được thể hiện ở nghệ thuật lập luận, đưa dẫn chứng, sử dụng từ ngữ, hình ảnh:  -   Hệ thống luận điểm rõ ràng, lập luận chặt chẽ sắc sảo. Tác giả sử dụng linh hoạt các thao tác lập luận so sánh, phân tích, giải thích bác bỏ, cách suy nghĩ logic.  -   Cách lấy dẫn chứng: độc đáo, tinh tế, sát thực có tác dụng soi sáng cho luận điểm.  -   Từ ngữ giàu có, ngôn ngữ chọn lọc được vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo.  -  Cách viết có hình ảnh, chân thực, độc đáo gợi nhiều liên tưởng. |

***4. Củng cố:*** Quan niệm về thơ của NĐT ngày nay còn có giá trị không?

Ngày giảng: ngày 13 tháng 10 năm 2020

**TUẦN 6**

Tiết 11: **ĐÔ-XTÔI-EP-XKI**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Củng cố kiến thức về văn bản nghị luận

- Học tập các thao tác lập luận trong văn bản nghị luận về một vấn đề văn học

**2. Kĩ năng** :   Đọc – hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

**3. Thái độ**:  Tình yêu văn học

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **-** Trình bày hiểu biết của em về tác giả và tác phẩm?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Theo anh, chị, ở đây, Đô-txoi-ép-xki là một con người có những nét gì đặc biệt về tính cách và số phận?  **Câu 2:** Hiệu quả của lối cấu trúc những hình ảnh trái ngược khi thể hiện chân dung của Đô-xtôi-ép-ki?  **Câu 3**: Từ câu "Cuối cùng, vào thời điểm...", các hình ảnh so sánh, những ẩn dụ cho tới cuối đoạn trích đều quy tụ về một thế giới như thế nào? Qua đó, Xvai-gơ muốn nói lên những gì về sứ mạng, về tầm vóc của Đô-xtoi-ép-xki?  **Câu 4:** Việc Xvai-gơ luôn gắn Đô-xtoi-ép-xki với bối cảnh thời sự chính trị và văn chương có tác dụng như thế nào trong việc làm nổi bật vai trò của nhà văn? | **-** Hs trình bày  **-** Hs nêu những nét đặc biệt về tính cách và số phận của Đô-txoi-ép-xki  **-** Hs suy nghĩ trả lời  **-** Hs trả lời  **-** Hs phân tích | **I. Lý thuyết**  - Tác giả: SGK  - Tác phẩm: SGK  **II. Luyện tập**  **Câu 1**  -   Những nét đặc biệt về tính cách và số phận của nhân vật : đó là một người phải chịu nhiều nỗi khổ nhưng giàu nghị lực  - Số phận :  + Chịu nhiều nỗi khổ về vật chất và tình thần  + Có hai thời điểm đối lập trong cuộc sống của ông: thời điểm thứ nhất là thời điểm của sự tuyệt vọng lớn nhất (sống lưu vong, phải cầm cố, quỳ gối trước bao nhiêu kẻ thấp hèn, tiền nợ, …) và thời điểm trở về tổ quốc -> giây phút hạnh phúc tuyệt đỉnh.  - Tính cách :     + Giàu nghị lực : số phận vùi dập thiên tài nhưng ông vẫn không ngừng làm việc. Dù ở thời điểm sống lưu vong, tuyệt vọng nhất, ông vẫn không ngừng làm việc và nhớ về nước Nga.   + Là con người luôn sáng bừng nghị lực và niềm đam mê nghệ thuật, lòng yêu thương con người.  **Câu 2:**  - Hiệu quả cấu trúc tương phản:  + Thiện hiện sự đối lập giữa một bên là đời số vật chất và tinh thần khốn khổ, với một bên là sự vĩ đại trong những đóng góp to lớn của ông cho đất nước. Sự tôn sùng của nhân dân.  -> Nổi bật cả hai đặc điểm trong cuộc đời ông: người bị hành khổ và người đạt đến đỉnh vinh quang.  **Câu 3:**  Biện pháp so sánh: "Tác phẩm ... là rượu ngọt" , "đếm các ngày như trước đây đếm cái cọc của trại giam", "trở về như một kẻ hành khất", "lời như sấm sét  + Ẩn dụ: "quả đã được cứu thoát, vỏ khô rụng xuống", "thành phố ngàn tháp chuông"  -> Hình ảnh ẩn dụ, so sánh thuộc lĩnh vực tôn giáo. Mục đích muốn nâng lên thành hình ảnh vị thánh, một con người siêu phàm.  **Câu 4:**  Một nhà văn vĩ đại không thể tồn tại riêng lẻ mà phải được đặt trong quan hệ gắn bó với bối cảnh của dân tộc, đất nước. Đặt cuộc đời nhân vật với bối cảnh chính trị văn chương là nhằm khẳn định sự vĩ đại của nhà văn không những với lịch sử văn học mà còn đối với lịch sử xã hội, đất nước |

***4. Củng cố:*** Nội dung và đặc sắc về nghệ thuật trong văn bản Đô-xtoi-ép-xki?

Ngày giảng: ngày 13 tháng 10 năm 2020

**TUẦN 6**

Tiết 12: **PHONG CÁCH NGÔN NGỮ KHOA HỌC**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

 Giúp HS: Nắm được khái niệm: ngôn ngữ khoa học (phạm vi sử dụng, các loại văn bản) và phong cách ngôn ngữ khoa học (các đặc trưng để nhận diện và phân biệt trong sử dụng ngôn ngữ).

**2. Kĩ năng** : - Có kĩ năng lĩnh hội, phân tích và tạo lập các văn bản khoa học (thuộc các ngành khoa học trong chương trình THPT). Trình bày, trao đổi về đặc điểm của phong cách ngôn ngữ khoa học

**3. Thái độ**:  Phân tích đối chiếu các ngữ liệu để tìm hiểu về phong cách ngôn ngữ khoa học, các loại văn bản khoa học

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Qua các ngữ liệu đã phân tích, em hiểu thế nào là ngôn ngữ khoa học?  **Câu 2:** Ngôn ngữ khoa học tồn tại dưới những dạng nào? Nêu ví dụ một số loại văn bản khoa học của từng dạng?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Bài khái quát văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX (Ngữ văn 12, Tập 1) là một văn bản khoa học. Hãy nhận xét về văn bản đó trên các phương diện (SGK)  **Câu 2:**  Giải thích và phân biệt từ ngữ khoa học với từ ngữ thông thường qua các ví dụ (SGK).  **Câu 3:** Tìm các thuật ngữ khoa học và phân tích tính lí trí, logic của phong cách ngôn ngữ khoa học trong đoạn văn: | **-** Hs trả lời  **-** Hs nêu các dạng văn bản khoa học  **-** Hs nhận xét  **-** Hs giải thích  **-** Hs tìm các thuật ngữ | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  - Ngôn ngữ khoa học: Là ngôn ngữ dùng trong các văn bản khoa học, trong phạm vi giao tiếp về những vấn đề khoa học.  **Câu 2:**  *- Các dạng:*  + Dạng viết: báo cáo khoa học, luận văn, luận án, SGK, sách phổ biến khoa học…   + Dạng nói: giảng bài, nói chuyện khoa học, thảo luận – tranh luận khoa học...  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  a. Những nội dung khoa học được trình bày trong văn bản Khái quát văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX gồm:  - Khái quát văn học Việt Nam từ 1945 đến hết 1975:     + Hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hóa.     + Các chặng đường văn học và những thành tựu chính.     + Những đặc điểm cơ bản  - Khái quát văn học Việt Nam từ 1945 đến hết thế kỉ XX:     + Hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hóa.  - Những chuyển biến và một số thành tựu.  b. Văn bản thuộc ngành khoa học nghiên cứu văn học, thuộc loại khoa học xã hội.  c. Những nét riêng của văn bản :  - Hệ thống đề mục được sắp xếp từ lớn đến nhỏ, từ khái quát đến cụ thể.  - Sử dụng nhiều thuật ngữ khoa học xã hội, đặc biệt là thuật ngữ văn học (Ví dụ: *Đường lối văn nghệ, truyện ngắn, kí, thơ, đề tài, chủ đề, khuynh hướng sử thi, xu hướng văn học, cảm hứng lãng mạn, tính nhân bản, nhân văn,*…)  - Kết cấu văn bản rõ ràng, chặt chẽ do các câu, các đoạn được sắp xếp theo trật tự mạch lạc, làm nổi bật lập luận trong từng đoạn, cả bài.  **Câu 2:**  - Đoạn thẳng:     + Ngôn ngữ thông thường: Đoạn không cong queo, gãy khúc, không lệch về một bên nào cả.     + Ngôn ngữ khoa học: Đoạn ngắn nhất nối hai điểm với nhau.  - Mặt phẳng:     + Ngôn ngữ thông thường: Bề mặt của một vật bằng phẳng, không lồi, lõm, gồ ghề.     + Ngôn ngữ khoa học: là một khái niệm cơ bản trong toán học, là một tập hợp tất cả các điểm trong không gian ba chiều.  - Góc:     + Ngôn ngữ thông thường: Có thể là một phần, một phía (*Ăn hết một góc; "Triều đình riêng một góc trời/ Gồm hai văn võ rạch đôi sơn hà"*)     + Ngôn ngữ khoa học: Phần mặt phẳng giới hạn bởi hai nửa đường thẳng cùng xuất phát từ một điểm  => Sự khác nhau giữa những từ ngữ thông thường với từ ngữ khoa học:  -   Từ ngữ khoa học: chính xác, có tính trí tuệ, chứa đựng quan niệm của chuyên ngành khoa học, có tính khái quát, tính trừu tượng và tính hệ thống.  -   Từ ngữ trong lời nói hàng ngày: cụ thể, sinh động, hồn nhiên, giàu sắc thái biểu cảm.  (Dựa vào gợi ý trên, Học sinh giải thích các từ: từ điển, đường thẳng, mặt phẳng, đoạn thẳng, góc, đường tròn, góc vuông... với hai phương diện: thuật ngữ khoa học và từ ngữ thông thường).  **Câu 3:**  Thuật ngữ khoa học trong đoạn (ngành khảo cổ): di chỉ xương.  -  Câu văn mang tính phán đoán logic: *Những phát hiện của nhà khảo cổ … của người vượn*.  -  Tính lí trí thể hiện ở luận điểm khái quát đúng đắn (câu đầu) và những dẫn chứng chính xác (các câu sau).  -   Tính logic thể hiện ở lập luận chặt chẽ, có luận điểm, luận cứ, luận chứng xác thực:  + Câu 1: Nêu luận điểm (một phán đoán)  + Câu 2 + 3 + 4: Nêu 3 luận cứ, mỗi luận cứ là một chứng tích trong khảo cổ.  --> Làm cho luận điểm có sức thuyết phục cao. |

***4. Củng cố:*** Các đặc trưng cơ bản của phong cách ngôn ngữ khoa học là gì?

Ngày giảng: ngày 20 tháng 10 năm 2020

**TUẦN 7**

Tiết 13:

**THÔNG ĐIỆP NHÂN NGÀY THẾ GIỚI**

**PHÒNG CHỐNG AIDS 01/12/2003**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Thấy được tầm quan trọng và sự bức thiết của công cuộc phòng chống HIV/AIDS đối với toàn nhân loại và mỗi cá nhân. Nhận thức rõ trách nhiệm của các quốc gia và từng các nhân trong việc sát cánh, chung tay đẩy lùi hiểm họa.

**2. Kĩ năng** :   Rèn luyện kĩ năng tìm hiểu văn bản nhật dụng. Cảm nhận được sức thuyết phục của bài văn

**3. Thái độ**:  Giáo dục HS thái độ nghiêm túc, đúng đắn trong việc phòng chống HIV/AIDS

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Dựa vào SGK, em hãy trình bày một vài nét về tác giả Cô-phi An-nan?  **Câu 2:** Nêu lên hoàn cảnh ra đời bức thông điệp?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Bản thông điệp nêu lên vấn đề gì? Vì sao cho rằng đó là một vấn đề cần phải đặt lên “vị trí hàng đầu trong chương trình nghị sự về chính trị và hành động thực tế" của mỗi quốc gia và mỗi cá nhân?  **Câu 2:** Vị Tổng thư kí Liên hợp quốc đã làm thế nào để cho việc tổng kết tình hình thực tế không chỉ trung thực đáng tin cậy mà còn là cơ sở để dẫn tới những kiến nghị mà ông sẽ nêu bên dưới?  **Câu 3**: Trong lời kêu gọi mọi người phải nỗi lực phòng chống HIV/AIDS nhiều hơn nữa, tác giả đã nhấn mạnh nữa đặc biệt đến điều gì? Từ đây anh (chị) cảm nhân được những gì về con người tác giả, về những nét đặc sắc của bài văn. | **-** Hs trình bày  **-** Hs nêu hoàn cảnh ra đời  **-** Hs suy nghĩ trả lời  **-** Hs phân tích  **-** Hs nêu cảm nhận | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  - Sinh ngày 8 – 4 - 1938 tại Ga-na (Châu Phi) .  - Năm 1997: là người thứ bảy và là người châu Phi da đen đầu tiên được bầu làm Tổng thư kí Liên hợp quốc.  - Đảm nhiệm chức vụ này trong hai nhiệm kì, từ tháng 1 - 1997 đến tháng 1 - 2007.  - Hoạt động:    + Ra lời kêu gọi hành động gồm năm  điều về đấu tranh chống lại đại dịch HIV/AIDS    + Kêu gọi thành lập quỹ sức khoẻ về AIDS toàn cầu    + Kêu gọi chống khủng bố trên toàn thế giới  - Được trao giải thưởng Nô-ben Hòa bình.  **Câu 2:** Được viết và gởi nhân dân thế giới nhân Ngày Thế giới phòng chống AIDS 01/12/2003.  **II. Luyện tập**  **Câu 1**  -   a. Bản thông điệp nêu lên vấn đề phòng chống AIDS.  b. Đó là vấn đề cần phải đặt lên “vị trí hàng đầu trong chương trình nghị sự về chính trị và hành động thực tế" của mỗi quốc gia và mỗi cá nhân vì:  -  HIV/AIDS là vấn đề nóng bỏng, cấp thiết của toàn nhân loại và đe doạ nghiêm trọng tới cuộc sống của nhân dân trên toàn thế giới.  -   AIDS vẫn hoành hành và đang lây lan tốc độ báo động, nhất la ờ phụ nữ và có rất ít dấu hiệu suy giảm.  -  HIV/AIDS làm tuổi thọ của người dân bị giảm sút nghiêm trọng, tỉ lệ tử vong cao.  -   Những thách thức cạnh tranh trong lĩnh vực kinh tế không quan trọng hơn vấn đề cấp bách HIV/AIDS.  **Câu 2:**  a. Cách tác giả điểm lại tình hình đã qua:  -   Đầu tiên tác giả nhấn mạnh trong phiên họp đặc biệt của Đại hội đồng Liên hợp quốc về HIV/AIDS các quốc gia đã thống nhất thông qua "Tuyên bố" về cam kết phòng chống HIV/AIDS đưa ra các mục tiêu, cam kết, nguồn lực và hành động".  -  Tác giả đưa ra một số kết quả đạt được như:  + Ngân sách dành cho phòng chống HIV/AIDS đã tăng lên một cách đáng kể.  + Quỹ toàn cầu về phòng chống AIDS, lao, sốt rét đã được thông qua.  + Ngày càng nhiều các công ty áp dụng chính sách phòng chống HIV/AIDS tại nơi làm việc.  + Các nhóm từ thiện cộng đồng luôn đi đầu trong cuộc chiến chống AIDS và có các hoạt động tích cực, phối hợp với chính phủ các tổ chức khác.  Tuy nhiên với các kết quả đó thì đại dịch HIV/AIDS vẫn còn rất ít dấu hiệu suy giảm và hiện tại vẫn hoành hành, gây tỉ lệ tử vong cao, lây lan với tốc độ báo động.  -   Tiếp đó, tác giả nêu ra: "Chúng ta đã không hoàn thành được một số mục tiêu đề ra cho năm nay trong tuyên bố về cam kết phòng chống HIV/AIDS. Với tiến bộ như hiện nay thì sẽ không đạt được bất cứ mục tiêu vào trong năm 2005".  - Tác giả đã điểm lại tình hình đã qua một cách trung thực, đáng tin cậy.  b. Để có cơ sở dẫn tới những kiến nghị mà ông sẽ nêu, Cô-phi An-nan đã đưa ra các biểu hiện và số liệu cụ thể nhằm thuyết phục người đọc.  -  Dẫn chứng cụ thể là:  + Trong năm qua, mỗi phút đồng hồ của một ngày trôi đi, có khoảng 10 người bị nhiễm HIV.  + Ở những khu vực bị ảnh hưởng nặng nề nhất, tuổi thọ của người dân bị giảm sút nghiêm trọng.  + HIV/AIDS đang lây lan với tốc độ báo động ở phụ nữ. Giờ đây phụ nữ đã chiếm một nửa trong tổng số người nhiễm trên toàn thế giới.  + Dịch bệnh lan nhanh nhất ở chính những khu vực mà trước hầu như vẫn còn an toàn, đặc biệt là Đông Âu, toàn bộ Châu Á từ dãy núi A-ran đến Thái Bình Dương.  -   Ngoài ra, tác giả còn sử dụng các câu mở đầu bằng từ "lẽ ra" để làm cơ sở đưa ra kiến nghị ở phía sau của mình:  + Lẽ ra chúng ta phải giảm được cả sô" thanh niên bị nhiễm HIV ở các nước bị ảnh hưởng nghiêm trọng nhất.  + Lẽ ra chúng ta phải triển khai các chương trình chăm sóc toàn diện ở khắp mọi nơi.  Nhận xét: Nghệ thuật lập luận chặt chẽ có sức thuyết phục  **Câu 3:**  a. Tác giả đã đặc biệt nhấn mạnh: "Thậm chí chúng ta còn bị chậm hơn nữa về tiến độ hoàn thành các mục tiêu nếu sự kì thị và phân biệt đối xử vẫn tiếp tục diễn ra đối với những người bị HIV/AIDS".  b. Từ đây có thể thấy: Tác giả là một con người có trái tim nhân hậu, chan chứa yêu thương - một tấm lòng nhân đạo sâu sắc. Ở ông có tầm nhìn sâu rộng đối với sự vận động không ngừng của sự sống, luôn quan tâm đến vận mệnh của con người hơn bao giờ hết. Là một con người sống vì công việc vì sự ổn định tốt đẹp của toàn nhân loại.  c. Bài văn có sức thuyết phục mạnh mẽ vì những lí do sau:  -   Bài văn có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa yếu tố chính luận với giọng văn trữ tình thắm đượm tình cảm, cảm xúc của tác giả.  -  Cách lập luận chặt chẽ, đáng tin cậy khi tác giả lần lượt điểm lại tình hình đã qua, thực trạng của HIV/AIDS và hướng tới kêu gọi mọi người hãy sát cánh để chống HIV/AIDS bởi "Cuộc chiến chống lại HIV/AIDS bắt đầu từ chính các bạn". |

***4. Củng cố:*** Bức thông điệp nêu lên vấn đề gì?

Ngày giảng: ngày 20 tháng 10 năm 2020

**TUẦN 7**

Tiết 14:

**NGHỊ LUẬN VỀ MỘT BÀI THƠ, ĐOẠN THƠ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

Hệ thống hóa và nâng cao tri thức về làm văn nghị luận.

**2. Kĩ năng** :   Biết làm bài nghị luận về tác bài thơ, đoạn thơ.

**3. Thái độ**:  Nâng cao ý thức trau rèn kĩ năng làm văn nghị luận nói chung và nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ nói riêng.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **-** Cấu trúc khi viết bài nghị luận?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Hãy phân tích đoạn thơ trong bài “*Tràng giang*” của Huy Cận? | **-** Hs nêu cấu trúc  **-** Hs phân tích | **I. Lý thuyết**  **-** Ba phần:  -  Mở bài:  Giới thiệu khái quát về bài thơ, đoạn thơ.  -  Thân bài:  Bàn về những giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ.  -   Kết bài:  Đánh giá chung về bài thơ, đoạn thơ.  -    Bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ cũng có cấu trúc như các nghị luận khác. Nhưng trong phần thân bài, cần biết bám sát vào các yếu tố của thơ như: hình ảnh, cảm xúc, nhịp, vần,... để phân tích, từ đó phá hiện ra cảm xúc chủ đạo và sự độc đáo của nhà thơ trong cảm xúc trong miêu tả.  **II. Luyện tập**  **Câu 1**  ***1. Mở bài:***  - Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác bài thơ:  Từ cảm hứng trước một buổi chiều đìu hiu, văng lặng buồn, khi lặng ngắm sông Hồng ngoại thành Hà Nội  - Giới thiệu xuất xứ đoạn thơ:  Khổ cuối trong bài thơ *Tràng giang*  - Nhận xét chung về khổ thơ:  Một bài thơ buồn – đẹp vào bậc nhất của Huy Cận, của văn học lãng mạn Việt Nam  - Dẫn văn bản khổ thơ  ***2. Thân bài:***  - Nhận xét tổng quát bài thơ, phân tích chung ba khổ thơ đầu để thấy mối liên hệ, thống nhất với khổ thơ cuối:     + Nhận xét: Thơ Huy Cận trước CMTT là nỗi buồn của thế hệ thanh niên mất nước, tương lai mờ mịt. Bài thơ mở vào khoảng trời đất cao rộng, vắng lặng để nỗi buồn thấm sâu tận cõi lòng     + Phân tích ba khổ đầu bài thơ: Cảnh buồn mênh mang, tâm hồn cô đơn không nguồn san sẻ (*sóng gợn tràng giang, sông dài trời rộng, mênh mang*sông nước với tâm trạng, tâm tình *sầu trăm ngả, cô liêu, không chút niềm thân mật*)  - Phân tích hai câu thơ đầu:  Trong ba khổ thơ trước: buồn trải ra xa, trong khổ cuối: buồn lên cao trong cánh chim nhỏ và dường như nhiều bơ vơ, không tìm ra phương hướng trong buổi chiều tắt nắng  - Phân tích hai câu thơ cuối:     + Cảnh hoàn toàn không còn dấu người. ở thời điểm này, quê hương là nơi neo đậu của lòng người. Câu thơ buồn nhưng sáng lên tình yêu quê hương đất nước sâu đậm.  + Thôi Hiệu:  *Quê hương khuất bóng hoàng hôn*  *Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai*  (Hoàng Hạc Lâu)     + Huy Cận:  *Lòng quê dơn dợn vời con nước*  *Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà*  - Một vài nét về nghệ thuật:   + Mượn một số cách diến đạt thơ Đường nhưng vẫn giữ được nét riêng của Huy Cận:  **.** Các hình ảnh: *mây cao đùn núi bạc, chim nghêng cánh nhỏ, bóng chiều, con nước, nhớ nhà...* đậm chất thơ Đường  **.**  Nét riêng: cách dùng từ láy (*lớp lớp, dợn dợn)*, cảm xúc lãng mạn tinh tế (*chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều sa*), cách nói ngược so với thơ Đường (*Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà*)    + Âm hưởng Đương thi cộng với những hình ảnh cô đơn, nỗi buồn thế hệ tạo nên vẻ đẹp cổ điển, hiện đại của khổ thơ, bài thơ.  ***3. Kết bài:***  Tổng hợp chung:    - Đoạn thơ có nét cổ kính, trang nghiêm, đậm chất Đường thi nhưng vẫn giữ được cái hồn Việt Nam    - Thể hiện tình yêu quê hương đất nước sâu đậm của tác giả. |

***4. Củng cố:***  Nắm chắc kỹ năng và các bước nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ.

Ngày giảng: ngày 27 tháng 10 năm 2020

**TUẦN 8**

Tiết 15:

**TÂY TIẾN**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Cảm nhận được vẻ đẹp hùng vĩ, mĩ lệ của thiên nhiên miền Tây và hình tượng người lính Tây Tiến. Nắm được những nét đặc sắc về nghệ thuật trong bài thơ: bút pháp lãng mạn, những sáng tạo về hình ảnh, ngôn ngữ và giọng điệu.

**2. Kĩ năng** :   Trình bày, trao đổi về mạch cảm xúc cua bài thơ, về giai điệu, hình tượng người lính Tây Tiến trong bài thơ. Phân tích, so sánh, bình luận về vẻ đẹp của bài thơ, về sự thể hiện hình tượng người lính của bài thơ so với thơ ca cách mạng cùng thời đại.

**3. Thái độ**:  Tự nhận thức về tinh thần yêu nước, ý chí vượt khó của người lính Tây Tiến, qua đó tự rút ra bài học cho cá nhân.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:**  Hãy trình bày những nét cơ bản về nhà thơ Quang Dũng ?  **Câu 2:** Bài thơ được sáng tác trong hoàn cảnh nào ?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Theo văn bản, bài thơ chia thành 4 đoạn. Nêu ý chính của mỗi đoạn và chỉ ra mạch liên kết giữa các đoạn?  **Câu 2:** Nét đặc sắc của bức tranh thiên nhiên trong đoạn thơ thứ nhất và hình ảnh người lính Tây Tiến hiện lên trong đoạn thơ như thế nào? | **-** Hs trình bày  **-** Hs nêu hoàn cảnh sáng tác  **-** Hs nêu các ý  **-** Hs trình bày nét đặc sắc của bức tranh thiên nhiên | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:** Quang Dũng (1921 - 1988)  - Là người đa tài: làm thơ, viết văn, vẽ tranh, làm nhạc.  - Hồn thơ phóng khoáng, hồn hậu, lãng mạn và tài hoa- đặc biệt khi ông viết về người lính Tây Tiến và xứ Đoài (Sơn Tây).  \* Tác phẩm tiêu biểu (SGK )  **Câu 2:** Hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ:  - Sáng tác năm 1948, tại làng Phù Lưu Chanh; lúc Quang Dũng đã rời xa đoàn quân Tây Tiến.  - Được đăng trong tập thơ ″Mây đầu ô″.  **II. Luyện tập**  **Câu 1**      Đoạn 1 (14 dòng dầu): đoàn quân Tây Tiến hiện ra trong nỗi nhớ da diết của tác giả, với những đêm hành quân gian khổ trên cái nền của thiên nhiên miền Tây hùng vĩ, dữ dội và thơ mộng.  -   Đoạn 2 (từ dòng 15 đến dòng 22): những kỉ niệm đẹp về tình quân dân và vẻ đẹp thơ mộng của núi rừng.  -   Đoạn 3 (từ dòng 23 đến dòng 30): khắc họa chân dung người lính Tây Tiến và sự hi sinh bi tráng.  -   Đoạn 4 (4 câu cuối): nhà thơ đã phải xa đơn vị, gửi lòng mình mãi mãi gắn bó với Tây Tiến.  -    Mạch cảm xúc của bài thơ: mở đầu là nỗi nhớ, tiếp theo là những kỉ niệm của nhà thơ về Tây Tiến và kết thúc là lời khẳng định sẽ mãi gắn bó lòng mình với Tây Tiến.  **Câu 2:**  **a.**Hình ảnh thiên nhiên hùng vĩ, dữ dội là biểu tượng cho những chặng đường hành quân gian khổ.  -   Bức tranh thiên nhiên hùng vĩ, dữ dội, hoang sơ của miền Tây: những địa danh xa lạ mà gần gũi, nơi những người lính Tây Tiến đã đi qua (Sài Khao, Mường Lát, Pha Luông, Mường Hịch, Mai Châu) với các sự vật tiêu biểu của miền Tây: mây, mưa, thác, cọp... con đường gập ghềnh, hiểm trở, cuộc hành quân gian khổ và khắc nghiệt của những người lính Tây Tiến.  -   Bức tranh thiên nhiên núi rừng miền Tây được mở ra trên chặng đường hành quân của những người lính Tây Tiến, cảnh núi cao, dốc sâu, vực thẳm, rừng dày... liên tục xuất hiện trong bài thơ.  -   Vẻ hoang sơ, dữ dội, ác liệt của Tây Tiến càng thể hiện rõ nét hơn bằng những thủ pháp nhân hoá, cường điệu: "súng ngửi trời"... và:  Chiều chiều oai linh thác gầm thét  Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người...  Với bức tranh thiên nhiên ấy, càng làm nổi bật hơn vẻ đẹp kiêu hùng, vượt lên trên tất cả mọi gian khó, mọi mất mát đau thương của những người lính trong đoàn quân Tây Tiến.  **b.**Hình ảnh đoàn quân Tây Tiến trên nền cảnh thiên nhiên ấy càng trở nên hào hùng:  -    Có cái tinh nghịch, dí dỏm của các chàng trai Hà Nội - Đó là sự chiến thắng thiên nhiên khi các anh đã “chạm" đến trời, đã lên đến đỉnh cao nhất của chiến trường miền Tây để đánh giặc:  Heo hút cồn mây súng ngửi trời  -    Có cái gan góc, kiên dũng của những người lính trên nền dữ dội và bí ẩn của thiên nhiên:  Chiều chiều oai linh thác gầm thét  Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người  -   Ngay đến cái chết, sự ra đi của các anh thanh thản, đẹp tuyệt vời:  Anh bạn dãi dầu không bước nữa  Gục lên súng mủ bỏ quên đời  -   Có sự hoà hợp đáng yêu trong tình quân dân kháng chiến:  Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói  Mai Châu mùa em thơm nếp xôi |

Ngày giảng: ngày 27 tháng 10 năm 2020

**TUẦN 8**

Tiết 16:

**TÂY TIẾN (tt)**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Cảm nhận được vẻ đẹp hùng vĩ, mĩ lệ của thiên nhiên miền Tây và hình tượng người lính Tây Tiến. Nắm được những nét đặc sắc về nghệ thuật trong bài thơ: bút pháp lãng mạn, những sáng tạo về hình ảnh, ngôn ngữ và giọng điệu.

**2. Kĩ năng** :   Trình bày, trao đổi về mạch cảm xúc cua bài thơ, về giai điệu, hình tượng người lính Tây Tiến trong bài thơ. Phân tích, so sánh, bình luận về vẻ đẹp của bài thơ, về sự thể hiện hình tượng người lính của bài thơ so với thơ ca cách mạng cùng thời đại.

**3. Thái độ**:  Tự nhận thức về tinh thần yêu nước, ý chí vượt khó của người lính Tây Tiến, qua đó tự rút ra bài học cho cá nhân.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 3:** Đoạn thơ thứ hai mở ra một thế giới khác với những vẻ đẹp của con người về thiên nhiên miền Tây khác với đoạn thơ thứ nhất. Hãy phân tích.  **Câu 4:** Hình ảnh người lính Tây Tiến được lặp lại trong đoạn thơ thứ ba. Hãy làm rõ vẻ đẹp lãng mạn và tính chất bi tráng của hình ảnh người lính.  **Câu 5:** Ở đoạn cuối, nỗi nhớ Tây Tiến được diễn tả như thế nào? Vì sao nhà thơ viết: “Hồn về sầm Nữa chẳng về xuôi"? | **-** Hs phân tích  **-** Hs suy nghĩ trả lời  **-** Hs phân tích | **II. Luyện tập**  **Câu 3**        Bên cạnh bức tranh dữ dội, hoang sơ ở đoạn thơ thứ nhất. Tây Tiến còn được hiện lên với vẻ đẹp duyên dáng, mĩ lệ và đặc biệt rất thanh bình ngỡ như không còn tiếng súng, vẻ đẹp đó được nhìn qua con mắt hào hoa, yêu đời, lãng mạn của những chàng trai Tây Tiến.  -   Đó là vẻ đẹp của một đêm hội với đuốc hoa, xiêm áo rực rỡ, tiếng khèn, điệu nhạc, hồn thơ quấn quýt với tình người, tình quân dân kháng chiến tình nghĩa Việt - Lào... gắn bó thuỷ chung:  Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa  Kìa em xiêm áo tự bao giờ  Khèn lận man điệu nàng e ấp  Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ...  -   Đó là vẻ đẹp Tây Bắc gắn với hình ảnh cô gái Thái chèo thuyền độc má uyển chuyển với bông hoa “đong đưa" như làn duyên trên dòng nước lũ:  Người đi Mộc Châu chiều sương ấy  Có thấy hồn lau nẻo bên bờ  Có nhớ dáng người trên độc mộc  Trôi dònq nước lũ hoa đong đưa  -    Cảnh tiễn đưa trên sông trong chiều sương khiến cảnh vật có hồn (hồn lau) và đầy quyến luyến, tình tứ (hoa đong đưa). Bức tranh 4 vậy có nét đẹp hoang dã nên thơ... Nổi bât là hình ảnh “dáng người trên độc mộc" đem đến nét đẹp rắn rỏi, khoẻ khoắn cho bức tranh thiên nhiên thơ mộng, mềm mại, mơ màng.  -   Hình ảnh thơ không còn dữ dội mà đậm màu sắc trữ tình, thơ mộng với hai bức tranh, hai khung cảnh khác nhau, cuộc liên hoan ở doanh trại và cuộc tiễn đưa lên đường đi Châu Mộc trong một chiều sương. Cho thấy vẻ đẹp tâm hồn, sự cảm nhận tinh tế của những người lính: lãng mạn, hào hoa yêu đời... và trên hết, đó là tâm hồn thơ của nhà thơ Quang Dũng.  **Câu 4:**  - Bức chân dung người lính hiện lên với vẻ đẹp hào hùng:   “Không mọc tóc": người lính đầu trọc (anh vệ trọc) vì sốt rụng hết tóc.  “Quân xanh màu lá": có thể hiểu là quân thiếu thốn nên da xanh xao, hoặc người lính phải dùng lá cây để ngụy trang tránh kẻ địch phát hiện.  “Dữ hùm" có oai phong dữ tợn như loài hổ báo rừng xanh. Đây là cách miêu tả ước lệ theo lối cổ.  -   Người lính còn hiện lên với vẻ đẹp hào hoa:  “Dáng kiều thơm" là dáng người đẹp Hà Thành. Người lính Tây Tiến đến người yêu, thật lãng mạn.  -   Quang Dũng đã nói đến sự hi sinh của người lính một cách bi tráng.  **Câu 5:**  -   Nỗi nhớ Tây Tiến ở đoạn cuối được thể hiện một cách ám ảnh:  Tây Tiến người đi không hẹn ước  Đường lên thăm thẳm một chia phôi  Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy  Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi  Cách diễn đạt theo lối cổ, dùng để diễn tả tâm trạng người anh hùng: “Người đi không hẹn ước" tức ngưừi ra đi không hẹn ngày về: “một chia phôi" tức là một phần chia phôi không trở lại. Giữa nhà thơ và những ngày ở Tây Tiến có cả một khoảng cách thời gian và không gian thăm thẳm "Đường lên thăm thẳm một chia phôi".  -   Nhưng hồn người Tây Tiến thì vẫn gắn với Tây Tiến mùa xuân ấy. Nhà thơ viết: “Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi", nghĩa là những người lính Tây Tiến đã dành tất cả trái tim mình cho Tây Tiến, gắn với những ngày tháng đẹp nhất của đoàn quân Tây Tiến - một đoàn quân đã đi vào lịch sử của dân tộc như một chứng tích không thể nào quên. |

***4. Củng cố:*** Cảm hứng lãng mạn và tính chất bi tráng

Ngày giảng: ngày 3 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 9**

Tiết 17:

**VIỆT BẮC**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Hiểu được những nét khái quát về sự nghiệp văn học, quan điểm sáng tác và những đặc điểm cơ bản trong phong cách nghệ thật của Tố Hữu.

**2. Kĩ năng:** Vận dụng có hiệu quả những kiến thức nói trên vào việc đọc hiểu văn thơ của Tố Hữu.

**3. Thái độ**:

- Trân trọng văn học Tố Hữu.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Nêu những nét lớn trong cuộc đời Tố Hữu?  **Câu 2:** Những chặng lớn trong thơ Tố Hữu gắn bó như thế nào với những chặng đường cách mạng của bản thân nhà thơ, với những giai đoạn phát triển của cách mạng Việt Nam.    **Câu 3:** Tại sao nói thơ Tố Hữu mang tính chất trữ tình chính trị.  **Câu 4:** Tính dân tộc trong hình thức nghệ thuật thơ Tố Hữu biểu hiện ở những điểm cơ bản nào? | - Hs trình bày  **-** Hs nêu những chặng đường thơ của tác giả  **-** Hs suy nghĩ trả lời  **-** Hs nêu những điểm cơ bản | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  -   Tố Hữu tên khai sinh là Nguyễn Kim Thành (1920 - 2002), quê ở Thừa Thiên Huế, sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống Nho học và yêu văn chương. Quê hương và gia đình đã có ảnh hưởng lớn đến hồn thơ Tố Hữu.  -   Tố Hữu giác ngộ cách mạng từ rất sớm, kết nạp Đảng từ năm 18 tuổi. Ông hoạt động cách mạng qua nhiều thời kì lịch sử, từng giữ nhiều chức vụ quan trọng.  -   Năm 1938 (18 tuổi), ông đã trở thành người lãnh đạo chủ chốt của Đoàn thanh niên dân chủ ở Huế. Được kết nạp vào Đảng cộng sản Đông Dương.  -   Tháng 4 - 1939 đến tháng 3 - 1942, ông bị thực dân Pháp bắt giam qua nhiều nhà tù ở miền Trung và Tây Nguyên.  -   Tháng 3 - 1942, ông vượt ngục, tìm ra Thanh Hoá, tiếp tục hoạt động cách mạng  -  Cách mạng tháng Tám năm 1945, ông là Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa ở Huế.  -   Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mĩ cho đến năm 1986, ông liên tục giữ các cương vị trọng yếu trong bộ máy lãnh đạo của Đảng và Nhà nước (từng là Uỷ viên Bộ Chính trị Đảng cộng sản Việt Nam. Phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng). Năm 1996, được Nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật.  **Câu 2:** Tố Hữu là một trong những lá cờ tiên phong của nền văn học cách mạng Việt Nam. Đối với ông, con đường hoạt động, cách mạng và con đường thơ có sự thống nhất không thể tách rời. Mỗi tập thơ của ông là sự phản ánh một chặng đường cách mạng.  *2.1. Tập thơ Từ ấy (1937 - 1946)*  -   Là chặng đầu tiên tương ứng với 10 năm đầu hoạt động cách mạng của Tố Hữu. Tập thơ gồm 3 phần: Máu lửa, Xiềng xích, Giải phóng. *Từ ấy* là niềm hân hoan của tâm hồn người thanh niên trẻ tuổi đang “băn khoăn đi kiếm lẽ yêu đời" đã gặp được lí tưởng, tìm thấy lẽ sống.  + "*Máu lửa*" sáng tác trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ. Cảm thông sâu sắc những người nghèo trong xã hội, khơi dậy ý chí đấu tranh.  + "*Xiềng xích*" sáng tác trong nhà lao. Thể hiện tâm tư tha thiết yêu đời, yêu tự do, ý chí kiên cường, quyết tâm chiến đấu của người chiến sỹ.  + "*Giải phóng*" sáng tác khi vượt ngục đến những ngày giải phóng --> Ca ngợi thắng lợi của cách mạng, độc lập tự do của Tổ quốc, tin tưởng vào chế độ mới.  *2.2. Tập thơ Việt Bắc (1947 - 1954)*  - Đánh dấu bước chuyển của thơ Tố Hữu trong chặng đường này: hướng vào việc thể hiện quần chúng cách mạng, mang tính sử thi đậm đà Việt Bắc là bản hùng ca về cuộc kháng chiến 9 năm chống Pháp với những chặng đường gian lao, anh dũng và thắng lợi.  - Tác phẩm thể hiện thành công hình ảnh, tâm tư của quần chúng cách mạng, kết tinh những tình cảm lớn của con người Việt Nam trong kháng chiến mà bao trùm và thống nhất mọi tình cảm là lòng yêu nước.  *2.3. Tập thơ Gió lộng (1955 - 1961)*  Gió lộng phản ánh và ca ngợi cuộc sống mới xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, có sự kết hợp thể hiện cái “tôi" trữ tình công dân khi khai thác đề tài lớn: xây dựng chủ nghĩa xã hội, đấu tranh thống nhất đất nước tình cảm quốc tế vô sản.  *2.4. Tập thơ Ra trận (1962 - 1971) và Máu và hoa (1972 - 1977)*  -   Cả hai tập thơ Ra trận và Việt Nam - Máu và hoa cổ vũ, động viên  cuộc chiến đấu của nhân dân hai miền trong thời kì ác liệt nhất cuộc kháng chiến chống Mĩ.  -    Các tác phẩm  mang đậm tính chính luận - thời sự, chất sử thi âm hưởng anh hùng ca.  *2.5. Tập thơ Một tiếng đờn (1992) và Ta với ta (1999)*  -    Là những tập thơ được sáng tác sau năm 1975, đánh dấu bước chuyển biến mới trong thơ Tố Hữu, thể hiện những chiêm nghiệm, đúc kết - tác giả về những chặng đường cách mạng của dân tộc và con đường hành động của bản thân.  **Câu 3:** Thơ Tố Hữu là thơ trữ tình - chính trị. Đây là đặc điểm bao quát nhất trong phong cách thơ Tố Hữu. Phong cách đó biểu hiện như sau:  -   Tố Hữu là một thi sĩ - chiến sĩ, thơ là sự thống nhất giữa tuyên truyền cách mạng và cảm xúc trữ tình.  + Thơ Tố Hữu chủ yếu khai thác cảm hứng từ đời sống chính trị của đất nước, từ hoạt động cách mạng và tình cảm, chính trị của bản thân tác giả  + Lí tưởng cách mạng là ngọn nguồn mọi cảm hứng nghệ thuật của Tố Hữu. Lí tưởng thực tiễn cách mạng ở mỗi thời kì là đề tài, chủ đề sáng tác của nhà thơ.  + Tố Hữu là nhà thơ cách mạng, nhà thơ lí tưởng cộng sản, quá trình sáng tác dưới sự lãnh đạo của Đảng.  -   Khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn trở thành nét phong cách trong thơ Tố Hữu.  + Thơ Tố Hữu tập trung thể hiện những vấn đề cốt yếu của đời sống cách mạng và vận mệnh dân tộc. Cảm hứng hướng về lịch sử, dân tộc chứ không hướng về đời tư.  + Nhân vật trữ tình luôn đại diện cho phẩm chất của giai cấp, dân tộc thậm chí của lịch sử và thời đại.  -   Thơ Tố Hữu có giọng tâm tình ngọt ngào.  + Cách xưng hô gần gũi thân mật (bạn đời ơi, đồng bào ơi, em ơi...) với đôi tượng trò chuyện.  + Tố Hữu tuyên truyền, vận động cách mạng nói chuyện chính trị bằng giọng tâm tình.  **Câu 4:**  + Về nội dung: Thơ Tố Hữu mang đậm nét hình ảnh con người Việt Nam và tình cảm Việt Nam trong thời đại mới, nối tiếp với truyền thống tinh thần, tình cảm đạo lí của dân tộc.  + Về nghệ thuật: Tố Hữu sử dụng thành công các thể thơ thuần dân tộc (thơ lục bát, thơ bảy chữ), ngôn ngữ thơ với lời nói quen thuộc của dân tộc, thơ giàu nhạc điệu. |

***4. Củng cố:*** Tính dân tộc trong hình thức nghệ thuật thơ Tố Hữu

Ngày giảng: ngày 3 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 9**

Tiết 18:

**LUẬT THƠ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**: Hiểu luật thơ của một số thể thơ truyên thống: lục bát, song thất lục bát, ngũ ngôn và thất ngôn Đường luật.Qua các bài tập, hiểu thêm về một số đổi mới trong các thể thơ hiện đại: năm tiếng, bảy tiếng.

**2. Kĩ năng** :   Biết làm thơ

**3. Thái độ**:  Yêu thích thơ

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Cho học sinh dựa vào SGK nêu khái niệm luật thơ.  **Câu 2:** Nêu các thể thơ được sử dụng trong văn chương Việt Nam?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Phân biệt cách gieo vần, ngắt nhịp và hài thanh của hai câu thơ bảy tiếng trong thể song thất lục bát với thể thất ngôn Đường luật qua các ví dụ sau (SGK).  **Câu 2:** Gọi hs đọc, nhận xét cách đọc, cho hs nhận xét về số tiếng trong câu, hiệp vần, nhịp, hài thanh | **-** Hs trình bày  **-** Hs nêu  **-** Hs phân biệt  **-** Hs nhận xét | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  Luật thơ là toàn bộ những qui tắc về số câu, số tiếng, cách hiệp vần, phép hài thanh, ngắt nhịp...trong các thể thơ được khái quát theo những kiểu mẫu nhất định  **Câu 2:**  a. Thơ dân tộc: Lục bát, song thất lục bát, hát nói  b. Đường luật:  Ngũ ngôn, thất ngôn  c. Hiện đại: Năm tiếng, bảy tiếng, tám tiếng, hỗn hợp, tự do, thơ - văn xuôi,...  **II. Luyện tập**  **Câu 1**  **a.**  Trống tráng thành lung lay bóng **nguyệt**  Khói Cam Tuyền mờ **mịt** thức mây  (Chinh phụ ngâm - Đoàn Thị Điểm dịch)  **b.**  Tiếng suối trong như tiếng hát xa  Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng **hoa**  Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ  Chưa ngủ vì lo nỗi nước **nhà**  (Cảnh khuya - Hồ Chí Minh)  Nhận xét:  -   Về cách gieo vần:  + 2 câu thơ thất ngôn (a): tiếng thứ 6 của dòng đầu hiệp vần với tiết thứ 5 của dòng sau.  + Bài thơ thất ngôn bát cú tứ tuyệt Đường luật (b): gieo vần chân (xem các chữ in đậm)  -   Về cách ngắt nhịp:  **a.**Trống tràng thành / lung bay bóng nguyệt (3 - 4)  Khói Cam Tuyền /mờ mịt thứ mây (3-4)  Tiếng suối trong/ như tiếng hát xa (3 - 4)  Trăng lồng cổ thụ/ bóng lồng hoa (4-3)  Cảnh khuya như vẽ / người chưa ngủ (4-3)  Chưa ngủ/ vì lo/ nỗi nước nhà (2-2-3)  - Về hài thanh:  Trống tràng thành Hung bay bóng nguyệt  T B B B B T Tv  Khói Cam Tuyền / mờ mịt thứ mây  T B B B Tv T B  Tiếng suối trong như tiếng hát xa  T T B B T T Bv  Trăng lồng cổ thụ/ bóng lồng hoa  B B T T T B Bv  Cảnh khuya như vẽ / người chưa ngủ  T B B T B B T  Chưa ngủ/ vì lo/ nỗi nước nhà  B T B B T T Bv  **Câu 2:**   Số tiếng: Câu 6 - câu 8 liên tục  - Vần:  + Tiếng thứ 6 hai dòng  + Tiếng thứ 8 dòng bát với tiếng thứ 6 dòng lục  - Nhịp: Chẵn, dựa vào tiếng có thanh không đổi (2, 4, 6 → 2/2/2)  - Hài thanh:    + Tiếng 2 (B), tiếng 4 (T), tiếng 6 (B).    + Đối lập âm vực trầm bổng ở tiếng 6, 8 dòng bát |

***4. Củng cố:***  Luật thơ của một số thể thơ truyền thống

Ngày giảng: ngày 10 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 10**

Tiết 19:

**VIỆT BẮC**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Cảm nhận được một thời kháng chiến gian khổ mà hào hùng, tình nghĩa thắm thiết của những người kháng chiến với Việt Bắc, với nhân dân, đất nước.Nhận thức được tính dân tộc đậm đà không chỉ trong nội dung mà còn ở hình thức nghệ thuật của tác phẩm.

**2. Kĩ năng** :  Trình bày, trao đổi về mạch cảm xúc của bài thơ, về giai điệu, cảm xúc kẻ ở người đi trong bài thơ.Phân tích, so sánh, bình luận về vẻ đẹp của lối nói giao duyên trong bài thơ, về cách xưng hô, về hình ảnh kẻ đi, người ở, về tình cảm cách mạng cao đẹp.

**3. Thái độ**:  Tự nhận thức về nghĩa tình thủy chung cách mạng của những con người Việt Bắc.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Dựa vào Tiểu dẫn, hãy nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Nêu hoàn cảnh sáng tác của bài thơ. Phân tích sắc thái tâm trạng, lối đối đáp của nhân vật trữ tình trong đoạn trích?  **Câu 2:** Qua hồi tưởng của chủ thể trữ tình, vẻ đẹp của cảnh và người Việt Bắc hiện lên như thế nào? | **-** Hs nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ  **-** Hs nêu hoàn cảnh sáng tác của bài thơ  **-** Hs suy nghĩ trả lời | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  Hoàn cảnh sáng tác :  - Tháng 10 - 1954, những người kháng chiến từ căn cứ miền núi về miền xuôi.  - Trung ương Đảng quyết định rời chiến khu Việt Bắc về lại thủ đô.  - Nhân sự kiện có tính chất lịch sử ấy, Tố Hữu đã sáng tác bài thơ *Việt Bắc* .  **II. Luyện tập**  **Câu 1**  **a.**Hoàn cảnh sáng tác  Cuối năm 1954, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta thắng lợi. Trung ương Đảng và chính phủ rời chiến khu Việt Bắc về thủ đô Hà Nội sau 9 năm kháng chiến gian khổ, trường kì. Tố Hữu đã viết bài thơ Việt Bắc để ghi lại tình cảm và mối quan hệ gắn bó khăng khít, nghĩa tình sâu nặng giữa nhân dân Việt Bắc với cái bộ và chiến sĩ cách mạng.  **b.**Sắc thái tâm trạng của bài thơ  Tâm trạng bâng khuâng bồn chồn, bịn rịn lưu luyến của nhân vật trữ tình trong cuộc chia tay.  **c.**Lối đối đáp: Hai nhân vật đều xưng - gọi là "mình" và "ta"  **Câu 2:**  a.  Hồi tưởng về thiên nhiên Việt Bắc.  Thiên nhiên Việt Bắc hiện lên mang vẻ đẹp vừa gần gũi, vừa nên thơ quê hương cách mạng.  -  Vẻ đẹp đa dạng theo thời gian, không gian khác nhau: sương sớm nắng chiều trăng khuya... Đặc biệt là "bức tranh tứ bình" của Việt Bắc qua bốn mùa:  + Mùa đông: Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi  + Mùa xuân: Ngày xuân mơ nở trắng rừng  + Mùa hạ: Ve kêu rừng phách đổ vàng  + Mùa thu: Rừng thu trăng gọi hoà bình  -   Thiên nhiên trở nên đẹp hơn, hữu tình hơn khi có sự gắn bó với con người:  + Cảnh làng bản ấm cúng:  Nhớ từng bản khói cùng sương  Sớm khuya bếp lửa người thương đi về  + Cảnh sinh hoạt kháng chiến ở chiến khu:  Nhớ sao lớp học i tờ ...  Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo  + Cảnh thơ mộng, ân tình:  Nhớ gì như nhớ người yêu  Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương  + Cảnh sinh hoạt đặc trưng của Việt Bắc:  Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều  Chày đem nện cối đều đều suối xa  Những câu thơ được sắp xếp xen kẽ, cứ một câu tả cảnh lại có một câu người, thể hiện sự gắn bó giữa cảnh và người.   b.  Hồi tưởng về con người Việt Bắc  -   Trong hồi tưởng, nhà thơ nhớ đến những con người Việt Bắc, trên cái phông chung của núi rừng. Tác giả nhớ người đi rừng: “Đèo cao nắng ánh dao cài thắt lưng", “Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang", “Nhớ cô em gái hái măng một mình", và nhớ “tiếng hát ân tình thuỷ chung" của người Việt Bắc.  -   Nhớ đến cuộc sống thanh bình êm ả:  Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều  Chày đêm nện cối đều đều suối xa  -    Cuộc sống vất vả, khó khăn trong kháng chiến nhưng chan chứa tình yêu thương:  Thương nhau chia củ sắn bùi  Bát cơm sẻ nửa chăn sui đắp cùng.  Đó là cảnh sinh hoạt bình dị của người dân Việt Bắc. Nét đẹp nhất chính là nghĩa tình và sự đùm bọc, che chở cho cách mạng, hi sinh tất cả vì kháng chiến, dù cuộc sống còn rất khó khăn. |

Ngày giảng: ngày 10 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 10**

Tiết 20 :

**VIỆT BẮC (tt)**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Cảm nhận được một thời kháng chiến gian khổ mà hào hùng, tình nghĩa thắm thiết của những người kháng chiến với Việt Bắc, với nhân dân, đất nước.Nhận thức được tính dân tộc đậm đà không chỉ trong nội dung mà còn ở hình thức nghệ thuật của tác phẩm.

**2. Kĩ năng** :   Trình bày, trao đổi về mạch cảm xúc của bài thơ, về giai điệu, cảm xúc kẻ ở người đi trong bài thơ.Phân tích, so sánh, bình luận về vẻ đẹp của lối nói giao duyên trong bài thơ, về cách xưng hô, về hình ảnh kẻ đi, người ở, về tình cảm cách mạng cao đẹp.

**3. Thái độ**:  Tự nhận thức về nghĩa tình thủy chung cách mạng của những con người Việt Bắc.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Khung cảnh hùng tráng của Việt Bắc trong chiến đấu; vai trò của Việt Bắc trong cách mạng và kháng chiến đã được Tố Hữu khắc hoạ ra sao?  **Câu 2:** Nhận xét về hình thức nghệ thuật đậm đà tính dân tộc của bài thơ và đoạn thơ.  **Câu 3:** Ngôn ngữ trong đoạn thơ được lấy từ đâu? Nó có đặc điểm như thế nào? | **-** Hs phân tích  **-** Hs nhận xét  **-** Hs suy nghĩ trả lời | **II. Luyện tập**  **Câu 1**  Trong hồi tưởng, tác giả nhớ về những kỉ niệm kháng chiến, những khung cảnh rộng lớn, những hoạt động tấp nập, sôi nổi của dân công và chiến sĩ:  - Cả dân tộc chất chứa căm thù thực dân đế quốc: Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai.  - Thiếu thốn gian khổ nhưng vẫn đầy lạc quan: Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo  -   Đó là vẻ đẹp của “thế trận" rừng núi đã cùng ta đánh giặc:  Nhớ khi giặc đến giặc lùng  Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây  Núi giăng thành luỹ sắt dày  Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù  -   Đó là khung cảnh hùng tráng của bức tranh “Việt Bắc xuất quân", đầy hào khí, chỉ mới ra quân mà như đã cầm chắc chiến thắng trong tay:  Những đường Việt Bắc của ta  Đêm đêm rầm rập như là đất rung  Quân đi điệp điệp trùng trùng  Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan  Dân công đỏ đuốc từng đoàn  Bước chân nứt đá muôn tàn lửa bay...  Khung cảnh hùng tráng của Việt Bắc trong chiến đấu đã được nhà thơ Tố Hữu khắc hoạ thật đẹp và đầy ấn tượng.  Vai trò của Việt Bắc: là chiếc nôi của cách mạng và kháng chiến, nơi nuôi dưỡng, đùm bọc, che chở cho cán bộ chiến sĩ từ những ngày đầu của cách mạng và sau này là kháng chiến chống Pháp.  **Câu 2:**  Tính dân tộc của bài thơ và đoạn thơ thể hiện ở các khía cạnh:  -   Thể thơ lục bát - một thể thơ truyền thông của dân tộc được sử dụng nhuần nhị, uyển chuyển và sáng tạo.  -   Sử dụng kết cấu đối đáp thường gặp trong dân ca: tiêu biểu là cặp đại từ xưng hô ta - mình được dùng rất sáng tạo trong bài thơ.  -    Các hình ảnh quen thuộc, đại chúng theo lối phô diễn dân tộc: Nguồn bao nhiêu nước, nghĩa tình bấy nhiêu, mình về mình có nhớ ta.  -   Biện pháp so sánh, ẩn dụ quen thuộc trong ca dao.  -   Nhịp điệu, nhạc điệu dân tộc khi nhẹ nhàng, thơ mộng; khi đằm thắm ân tình, khi mạnh mẽ, hùng tráng.  **Câu 3:**  - Sử dụng lời ăn tiếng nói của nhân dân rất mộc mạc, giản dị nhưng cũng rất sinh động để tái hiện lại một thời cách mạng và kháng chiến đầy gian khổ mà dạt dào nghĩa tình.  - Đó là thứ ngôn ngữ giàu hình ảnh cụ thể:  *″Nghìn đêm thăm thẳm sương dày″*  *″Nắng trưa rực rỡ sao vàng″*  + Ngôn ngữ giàu nhạc điệu:  ″*Chày đêm nện cối đều đều suối xa″*  *″Đêm đêm rầm rập như là đất rung″*  - Sử dụng nhuần nhuyễn phép trùng điệp của dân gian:  *+ ″Mình về, mình có nhớ ta″*  *″Mình về, có nhớ chiến khu″*  *+ ″Nhớ sao lớp học i tờ″*  *″Nhớ sao ngày tháng cơ quan″*  *″Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều″*  → tạo giọng điệu trữ tình thiết tha, êm ái, ngọt ngào như âm hưởng lời ru, đưa ta vào thế giới của kỷ niệm và tình nghĩa thuỷ chung. |

***4. Củng cố:*** Cảnh đẹp của thiên nhiên và con người Việt Bắc qua nỗi nhớ của người ra đi

Ngày giảng: ngày 17 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 11**

Tiết 21,22 :

**ĐẤT NƯỚC**

**- Nguyễn Khoa Điềm**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**: Cảm nhận được những suy tư sâu sắc của nhà thơ về đất nước và trách nhiệm của mỗi người đối với quê hương, xứ sở. Hiểu được sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất chính luận và trữ tình, sự vận dụng các chất liệu văn hóa và văn học dân gian, sự phong phú, linh hoạt của giọng điệu thơ.

**2. Kĩ năng** :   Trình bày, trao đổi về mạch cảm xúc của bài thơ, sự thể hiện hình tượng đất nước của bài thơ.Phân tích, so sánh, bình luận về vẻ đẹp của bài thơ, chất chính luận và chất trữ tình của bài thơ, về sự thể hiện tư tưởng Đất Nước của Nhân Dân.

**3. Thái độ**:  Tự nhận thức về tình yêu đất nước của thế hệ các nhà thơ trẻ trong thời kì chống Mĩ

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Phần tiểu dẫn trình bày những nội dung chính nào?  **Câu 2:** Nêu hoàn cảnh ra đời? Nội dung cơ bản? Nghệ thuật bài thơ?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Tác giả đã sử dụng những chất liệu văn hoá và lịch sử nào để thể hiện sự cảm nhận về đất nước?  **Câu 2:** Đất nước được cảm nhận trên phương diện không gian như thế nào? Nhận xét gì về những không gian đó?  **Câu 3:** Xét về phương diện thời gian, đất nước tồn tại trong thời gian “đằng đẵng”. Em hãy tìm dẫn chứng để làm rõ ý trên?  **Câu 4:** Tác giả suy nghĩ như thế nào về trách nhiệm của mình đối với đất nước?  **Câu 5:** Nhận xét về nghệ thuật của đoạn thơ? Thể thơ? Giọng thơ? | **-** Hs trình bày  **-** Hs nêu hoàn cảnh sáng tác của bài thơ  - Hs suy nghĩ trả lời  **-** Hs nhận xét  - Hs tìm dẫn chứng  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs nhận xét về nghệ thuật | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  *a. Tiểu sử:*  - Sinh ra trong một gia đình trí thức, giàu truyền thống yêu nước và tinh thần cách mạng.  - Học tập và trưởng thành trên miền Bắc, tham gia chiến đấu và hoạt động văn nghệ ở miền Nam.  *b. Phong cách sáng tác :*  - Giàu chất suy tư , xúc cảm dồn nén .  - Giọng thơ trữ tình chính luận  - Hoàn cảnh sáng tác: Hoàn thành ở chiến khu Trị -Thiên 1971 .  - Nội dung: thức tỉnh tuổi trẻ đô thị vùng tạm chiếm miền Nam.  - Nghệ thuật: mang đậm phong cách thơ Nguyễn Khoa Điềm.  **II. Luyện tập**  **Câu 1**  - Đất nước gắn liền với:  + Văn hoá lâu đời của dân tộc: truyện cổ tích, phong tục.  + Cuộc trường chinh không nghỉ ngơi: chống ngoại xâm, cuộc sống lao động vất vả.  ⇒ Đất nước được hình thành và phát triển theo quá trình sống của mỗi con người, rất bình dị, thân thộc và gần gũi.  - Nghệ thuật: Giọng thơ nhẹ nhàng, âm hưởng đầy quyến rũ đã đưa ta về với cội nguồn của đất nước : Một đất nước vừa cụ thể vừa huyền ảo đã có từ rất lâu đời.  **Câu 2:**  - Phương diện không gian: Chiết tự: Đất nước: mới mẻ, độc đáo, mang tính cá thể, hết sức táo bạo  + Không gian gần gũi với con người: nơi sinh hoạt của mỗi người, không gian tuyệt diệu của tình yêu và nỗi nhớ đầy thơ mộng với bao kỉ niệm ngọt ngào.  + Không gian đại lí mênh mông từ "núi bạc" đến "biển khơi" và không gian sinh tồn của dân tộc bao thế hệ: "Những ai đã khuất...mai sau".  ⇒ Đất nước hiện lên thiêng liêng những vẫn gần gũi, gắn bó với mỗi con người. Là sự thống nhất giữa cá nhân với cộng đồng.  **Câu 3:** Phương diện thời gian:  + Nhắc đến cội nguồn dân tộc: “Lạc Long Quân và Âu Cơ” và ngày giỗ Tổ cho đến hiện tại với những con người không bao giờ quên nguồn cội dân tộc.  + Đất nước là sự kế tục của các thế hệ: quá khứ, hiện tại và tương lai: "Những ai đã khuất...mai sau".  => Tóm lại: Tác giả đã hướng tới cái nhìn toàn vẹn và nhiều chiều về đất nước để khơi dậy một đất nước có chiều dài của thời gian lịch sử, chiều rộng của không gian địa lí và chiều sâu của truyền thống văn hoá dân tộc.  **Câu 4:** Trách nhiệm của thế hệ mình với đất nước: Điểm mấu chốt về tư tưởng, tập trung cảm xúc.  + Đất nước kết tinh trong sự sống, trong máu thịt của mỗi cá nhân.  + Tình yêu lứa đôi thống nhất, hài hoà với tình yêu đất nước.  + Sự phát triển từ cá nhân, tình yêu lứa đôi đến tình yêu đồng loại + kết hợp với hình ảnh “Đất nước vẹn tròn to lớn” ⇒ gợi tả tình đoàn kết dân tộc (làm nên sức mạnh Việt Nam).  - Niềm tin vào thế hệ mai sau.  - Trách nhiệm của thế hệ mình:  + Đất nước - "máu xương" của mỗi con- là những giá trị vật chất và tinh thần mà mỗi người được thừa hưởng (quyền lợi)  + Trách nhiệm của mỗi người:phải biết gắn bó, san sẻ, hoá thân  ⇒ Xây dựng và bảo vệ Đất nước muôn đời. (nghĩa vụ).  **Câu 5:**  - Thể thơ tự do phóng túng .  - Giọng thơ suy tưởng: đặt câu hỏi và tự trả lời.  - Sử dụng các chất liệu văn hoá dân gian không phải là thủ pháp nghệ thuật mà là để chi phối tư tưởng "Đất Nước là của Nhân Dân".  - Giọng thơ trữ tình – chính luận |

***4. Củng cố:*** Cách cảm nhận đất nước vừa cụ thể vừa độc đáo của tác giả ở phương diện thời gian, không gian và văn hoá.

Ngày giảng: ngày 24 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 12**

Tiết 23 :  **LUẬT THƠ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**: Hiểu luật thơ của một số thể thơ truyên thống: lục bát, song thất lục bát, ngũ ngôn và thất ngôn Đường luật.Qua các bài tập, hiểu thêm về một số đổi mới trong các thể thơ hiện đại: năm tiếng, bảy tiếng.

**2. Kĩ năng** :   Biết làm thơ

**3. Thái độ**:  Yêu thích thơ

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động: Luyện tập**  **Câu 1:** Những nét giống nhau và khác nhau về cách gieo vần, ngắt nhịp, hài thanh trong hai bài *Mặt trăng* và bài *Sóng*?  **Câu 2:** Đánh dấu mô hình âm luật bài thơ Mời trầu?  **Câu 3**: Ảnh hưởng của thơ thất ngôn Đường luật đối với thơ mới trong bài thơ? | **-** Hs nêu  **-** Hs phân biệt | **\* Luyện tập**  **Câu 1**  Những nét giống nhau và khác nhau về cách gieo vần, ngắt nhịp, hài thanh (bài Mặt trăng và bài Sóng):  \* Giống nhau: gieo vần cách  \* Khác nhau:   |  |  | | --- | --- | | Ngũ ngôn truyền thống  (Mặt trăng) | Thơ hiện đại:  năm chữ (Sóng) | | - Vần: độc vận (bên, đen, lên, hèn)  - Ngắt nhịp lẻ: 2/3  - Hài thanh: Luân phiên ở tiếng 2 và 4 | - Vần: 2 vần (thế, trẻ, em, lên)  - Nhịp chẵn: 3/2  - Thanh của tiếng thứ 2 và 4 linh hoạt |   **Câu 2:** Mô hình âm luật bài thơ Mời trầu:  Quả cau nho nhỏ / miếng trầu hôi  B T B  Này của Xuân Hương / mới quệt rồi  T B T Bv  Có phải duyên nhau / thì thắm lại  T B T  Đừng xanh như lá / bạc như vôi  B T B Bv  **Câu 3:** Ảnh hưởng của thơ thất ngôn Đường luật đối với thơ mới:  \* Gieo vần: sông - dòng: vần cách  \* Nhịp: 4/3  \* Hài thanh:  - Tiếng 2: gợn, thuyền, về, một: T – B – B – T  - Tiếng 4: giang, mái, lại, khô: B –T – T – B  - Tiếng 6: điệp, song, trăm, mấy: T – B – B – T  → Vần, nhịp, hài thanh đều giống thơ thất ngôn tứ tuyệt |

***4. Củng cố:***  Sự khác nhau giữa thơ truyền thống và thơ hiện đại.

Ngày giảng: ngày 24 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 12**

Tiết 24 :  **THỰC HÀNH MỘT SỐ PHÉP TU TỪ NGỮ ÂM**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Qua bài học giúp HS:Củng cố và nâng cao nhận thức về một số phép tu từ ngữ âm (tạo nhịp điệu, âm hưởng, điệp âm, điệp vần, điệp thanh): đặc điểm và tác dụng của chúng.

- Cảm nhận và phân tích các phép tu từ trong văn bản, bước đầu biết sử dụng các phép tu từ.

**2. Kĩ năng** :   Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về hiệu quả biểu đạt của một số câu/ đoạn văn, thơ có sự phối hợp ngữ âm.

**3. Thái độ**:  Phân tích, đối chiếu sự phối hợp âm thanh, nhịp điệu, âm hưởng của một số câu/ đoạn thơ, văn.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1:**  **Câu 1:** Hướng dẫn HS tìm hiểu Bài tập 1  + Nhận xét cách ngắt nhịp trong đoạn?  + Nhịp dài có tác dụng ra sao?  + Nhịp ngắn tạo nên tác dụng gì ?  **Câu 2:** Hướng dẫn HS tìm hiểu Bài tập 2: Điều gì nổi bật về nghệ thuật trong đoạn văn này?    - Nhịp điệu khi nhanh, khi chậm thể hiện điều gì ?  **Hoạt động 2:**  **Câu 3**: Tác dụng của lặp âm đầu trong câu thơ sau là gì?  *“Dưới trăng quyên đã gọi hè*  *Đầu tường lửa lựu lập loè đâm bông”*  **Câu 4:** Sắc thái ý nghĩa của vần ang trong đoạn thơ sau là gì?  *“Lá bàng đang đỏ ngọn cây.*  *Sếu giang mang lạnh đang bay ngang trời*  *Mùa đông còn hết em ơi*  *Mà con én đã gọi người sang xuân !”* | **-** Hs nêu  **-** Hs phân biệt | **I. Tạo nhip điệu và âm hưởng cho câu:**  **Câu 1**  - Đoạn văn có 4 nhịp: 2 nhịp dài, 2 nhịp ngắn phối hợp diễn tả nội dung đoạn:  + Hai nhịp dài: thể hiện lòng kiên trì và ý chí quyết tâm dân tộc trong đấu tranh vì tự do với thời gian dài.    + Hai nhịp ngắn: khẳng định dứt khoát và đanh thép quyền tự do và độc lập của dân tộc  - Sự thay đổi thanh điệu cuối nhịp:   + Kết thúc 3 nhịp đầu: thanh bằng và âm tiết mở tạo âm hưởng ngân vang, lan xa.    + Nhịp cuối: thanh trắc và âm tiết khép, tạo nên âm hưởng mạnh mẽ, dứt khoát, phù hợp với lời khẳng định.  **Câu 2:** Để tạo nên sắc thái hùng hồn, thiêng liêng, đoạn văn phối hợp:  - Phép điệp (lặp từ ngữ, kết cấu ngữ pháp và nhịp điệu 4/2/4/2) + phép đối (đối xứng từ ngữ, về nhịp điệu, về kết cấu ngữ pháp)  - Câu văn xuôi + có vần (Câu 1,2: bà / già, súng / súng)  - Nhịp ngắn, nhịp dài: câu 1, 4.  → Tạo âm hưởng khi khoan thai, khi mạnh mẽ, thích hợp với lời kêu gọi cứu nước.  **II. Điệp âm, điệp vần, điệp thanh**  **Câu 3:**  - Lặp âm đầu gợi cảm giác về hình ảnh: hoa lựu như những đóm lửa nhỏ, đẹp và ẩn hiện trên đầu tường.  - Lặp âm đầu gợi cảm giác phản chiếu của bóng trăng như phát tán trong không gian và trên mặt nước.  **Câu 4**  - Vần ang – âm thanh mở lặp lại nhiều nhất, xuất hiện 7 lần  - Tác dụng:  + Tạo cảm giác rộng lớn, chuyển động, kéo dài (đông – xuân)  + Phù hợp với cảm xúc chung: mùa đông đang còn tiếp diễn vậy mà đã có lời mời gọi mùa xuân. |

***4. Củng cố:***  Tác dụng của các biện pháp tu từ ngữ âm trong khi diễn đạt nội dung câu văn.

Ngày giảng: ngày 1 tháng 12 năm 2020

**TUẦN 13**

Tiết 25 :  **DỌN VỀ LÀNG**

**- Nông Quốc Chấn**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**: Giúp HS hiểu được:Vẻ đẹp rất riêng của thơ Nông Quốc Chấn, đại diện cho thơ của tầng lớp trí thức dân tộc ít người. Cảm nhận vẻ đẹp về nội dung và hình thức của bài thơ “Dọn về làng”.

**2. Kĩ năng** :   Rèn thêm kĩ năng đọc hiểu thơ cho học sinh.

**3. Thái độ**:  Tình yêu quê hương

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Nêu những nét chính về tác giả và đặc điểm thơ Nông Quốc Chấn.  **Hoạt động. Luyện tập**  **Câu 1:** Cuộc sống gian khổ của nhân dân Cao - Bắc - Lạng và tội ác của giặc Pháp đã được diễn tả như thế nào ?  **Câu 2:** Nét độc đáo trong cách thể hiện niềm vui Cao - Bắc - Lạng được giải phóng qua phần đầu và phần cuối của bài thơ ?  **Câu 3:** Phân tích màu sắc dân tộc được biểu hiện qua cách sử dụng hình ảnh của tác giả? | **-** Hs suy nghĩ phân tích nội dung  - Hs nêu nét độc đáo  - Hs phân tích | **I. Lý thuyết**  **Câu 1**  - Nông Quốc Chấn là nhà thơ dân tộc Tày. Thơ ông đậm bản sắc dân tộc miền núi.  - Tác phẩm: (SGK)  **II.Luyện tập**  **Câu 1:**  \* Cuộc sống gian khổ của nhân dân Cao - Bắc - Lạng được thể hiện qua những hình ảnh:  Mấy tháng năm qua quên tết tháng giêng, quên rằm tháng bảy  Chạy hết núi khe, cay đắng đủ mùi  ….  Đường đi lại vắt bám đầy chân  …  Mẹ địu em chạy tót lên rừng  Lần đi trước, mẹ vẫy con sau lưng  Tay dắt bà, vai đeo đầy tay nải  Bà bị loà mắt không biết lối đi  → Những chi tiết được liệt kê cho ta thấy, những gian khổ của người dân Cao - Bắc - Lạng đã diễn ra trong một thời gian kéo dài, từ năm này qua năm khác, từ ngày này qua ngày khác, họ sống trong sự nơm nớp, lo sợ, quên đi cả những ngày lễ cổ truyền quan trọng, luôn luôn phải đề phòng để đảm bảo sự sinh tồn cho chính mình. Công cuộc chạy giặc, đi sơ tán, trở thành một nếp sống mới, đi sâu vào tiềm thức của người dân, trong họ không còn sự vui tươi, bình yên, mà thay vào đó là sự sợ hãi, lo sợ trước sự truy lùng của giặc Tây  \* Tội ác của giặc Pháp:  - Súng nổ, giặc Tây lại đến lùng  - Từng cái làn đốt trơ trụi  - Cha bị bắt, bị đánh chết  - Chôn cất cha; bằng khăn của mẹ; liệm bằng áo của con  - Máu đầy tay, nước tràn đầy mặt  → Những tội ác được diễn tả rất chân thực, thể hiện thái độ căm thù của tác giả, của những người dân Cao - Bắc - Lạng trước những tội ác xấu xa mà thực dân Pháp đã mang đến. Những tội ác ấy không khỏi khiến người đọc cảm thấy xót xa, đau đớn, cho những kiếp người thời gian khổ nghèo khó ấy. Để rồi sự căm thù ấy đẩy đến đỉnh điểm với câu thơ “Mày sẽ chết, thằng giặc Pháp hung tàn băm xương thịt mày mới hả”.  **Câu 2:**  - Bài thơ được xây dựng theo kết cấu: hiện tại - quá khứ - hiện tại. Hai đoạn thơ đầu và cuối thể hiện niềm vui mừng, hân hoan của người dân Cao - Bắc Lạng trong khung cảnh chiến thắng dân làng được tự do, không phải sống trong cảnh nơm nớp lo sợ, mọi người nô nức dọn về làng. Mở đầu bài thơ là niềm vui hân hoan khi quê hương hoàn toàn được giải phóng, kết thúc bài thơ là cảnh nô nức, vui tươi khi người dân dọn về làng bắt đầu quay về với nhịp sống cũ.  - Niềm vui của nhân dân khi quê hương được giải phóng được thể hiện qua những hình ảnh, từ ngữ: Cười vang, người xuống làng, người nói cỏ lay, cuốc đất dọn cỏ, kêu vang tiếng ô tô, ríu rít tiếng cười con trẻ, khói bếp bay trên mái nhà lá,... Tác giả sử dụng hình ảnh và từ ngữ có yếu tố tăng dần về cảm xúc, diễn tả sự vui mừng hồ hởi, hân hoan khi quê hương hương đã trở lại cuộc sống thanh bình.  - Cách sử dụng ngôn từ và hình ảnh của tác giả rất tự nhiên, mộc mạc, đậm chất miền núi, chất phác chân thực.  - Giọng điệu thơ tươi vui, và sung sướng, đối lập với sự uất hận căm thù ở đoạn giữa, tạo nên sự cân bằng phong phú trong giọng điệu của toàn bài thơ.  **Câu 3:** Tác giả sử dụng những hình ảnh rất giản dị, gần gũi với cuộc sống hằng ngày, cùng với lối diễn đạt tự nhiên, chất phát, gần như thấy gì nói nấy, không quá hoa mĩ, cầu kỳ. Dù miêu tả trực tiếp, hay gián tiếp nhưng đều thể hiện cái nhìn rất mộc mạc, giản đơn, rất gần với đồng bào thiểu số:  - Hình ảnh so sánh: Người đông như kiến, súng đầy như củi, người nói cỏ lay trong rừng rậm,...  - Từ ngữ: hàng đàn; quên tết tháng giêng, quên rằm tháng bảy; mày, tao, nó .... |

***4. Củng cố:***  Nêu những nét chính về tác giả

Ngày giảng: ngày 1 tháng 12 năm 2020

**TUẦN 13**

Tiết 26 :  **TIẾNG HÁT CON TÀU**

**- Chế Lan Viên**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Cảm nhận được khát vọng về với nhân dân và đất nước với những kỷ niệm sâu nặng nghĩa tình trong cuộc kháng chiến chống Pháp của nhà thơ.

- Thấy được những đặc sắc nghệ thuật thơ Chế Lan Viên: sáng tạo hình ảnh, liên tưởng phong phú, bất ngờ, cảm xúc gắn với suy tưởng.

**2. Kĩ năng** :   - Đọc hiểu bài thơ theo đặc trưng thể loại.

**3. Thái độ**:  Ý thức cống hiến, xây dựng đất nước.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Nêu vài nét chính về tác giả Chế Lan Viên?  **Câu 2:** Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ?  **Hoạt động. Luyện tập**  **Câu 1:** Em hiểu như thế nào về nhan đề bài thơ? Thực tế có con tàu đi Tây Bắc không?  Vậy con tàu có ý nghĩa như thế nào? Tây Bắc có ý nghĩa gì?  **Câu 2:** Hai khổ đầu tác giả thể hiện nội dung gì? Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng?  **Câu 3:** Nội dung chính của khổ 3- 11?  **Câu 4:** Nét độc đáo của khổ 5 là gì? Biện pháp nghệ thuật gì?  Ý nghĩa của khổ 5?  **Câu 5:** Những con người Tây Bắc hiện lên như thế nào?  Tình quân dân được thể hiện trong đoạn thơ?  **Câu 6:** Nêu nội dung của đoạn còn lại. | - Hs trình bày  - Hs nêu  - Hs suy nghĩ phân tích  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs nêu nội dung chính  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs phân tích  - Hs nêu | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:** Tác giả: Chế Lan Viên (1920 - 1989):  - Thơ Chế Lan Viên nóng hổi tính thời sự, giàu chất sử thi, chất anh hùng ca và chất chính luận, có vẻ đẹp trí tuệ độc đáo.  - Phong cách thơ Chế Lan Viên độc đáo: có vẻ đẹp trí tuệ, khai thác triệt để những tương quan đối lập, giàu chất suy tưởng, triết lí với thế giới hình ảnh đa dạng, phong phú, đầy sáng tạo.  **Câu 2:** Tác phẩm: Rút từ tập“Ánh sáng và phù sa”.  - Bài thơ được gợi cảm hứng từ một sự kiện lịch sử những năm 1958- 1960: cuộc vận động đồng bào miền xuôi xây dựng kinh tế ở miền núi Tây Bắc  **II.Luyện tập**  **Câu 1:** Con tàu: biểu tượng cho khát vọng ra đi.  - Tây Bắc:vừa có ý nghĩa tả thực vừa có ý nghĩa biểu tượng cho miền đất xa xôi của Tổ quốc.  ⇒ Đến với nhân dân, với Tây Bắc chính là trở về với lòng mình, với tình cảm sâu nặng, gắn bó.  **Câu 2:**  - Hai khổ đầu: Sự trăn trở và lời mời gọi lên đường:  - Biện pháp đối lập.  - Câu hỏi tu từ ⇒ nhân vật trữ tình tự phân đôi để chất vấn, đối thoại với chính mình.  → Không thể có ý nghĩa cuộc đời, không thể có thơ hay nêú chỉ quẩn quanh trong thế giới chật hẹp của cái tôi.  **Câu 3:** Hoài niệm về Tây Bắc trong kháng chiến .  - Khổ 3,4: Tây Bắc là xứ núi rừng anh hùng, cuộc kháng chiến chống Pháp là sân khấu để tôi luyện nhà thơ chuyển biến cuộc đời và nghệ thuật.  **Câu 4:**  - Khổ 5: so sánh độc đáo.  - Sự trở về với nhân dân là niềm hạnh phúc lớn lao của tác giả: trở về để được tắm mát, để tâm hồn được hồi sinh, tìm thấy ý nghĩa sự tồn tại của cuộc đời mình, được chăm sóc, vỗ về, an ủi. Những hình ảnh so sánh vừa gần gũi có vẻ đẹp thơ mộng mượt mà, vừa sự hoà hợp giữa nhu cầu, khát vọng của bản thân với hiện thực đã nhấn mạnh niềm hạnh phúc tột độ và ý nghĩa sâu xa của việc trở về với nhân dân.  **Câu 5:**  - Khổ 6-11: Hình ảnh Tây Bắc hiện lên qua những con người cụ thể:  + Đó là người anh du kích với chiếc áo nâu , đứa em liên lạc linh hoạt, dũng cảm, người mẹ nuôi quân giàu đức hi sinh, cô gái xung phong với vắt xôi nuôi quân giấu giữa rừng ⇒ sự gắn bó và niềm biết ơn của tác giả.  + Nhóm từ chỉ thời gian vĩnh hằng, từ xưng hô nói lên mối quan hệ gắn bó, gần gũi.  + Đoạn thơ có những câu mang tính triết lí:  *″Khi ta ở chỉ là nơi đất ở*  *Khi ta đi đất đã hoá tâm hồn″*  ⇒ bình thường khi ta ở mảnh đất ấy chỉ là chốn trú thân. Khi rời xa mới nhận ra nơi ấy đã lưu giữ một phần tâm hồn.  *″Tình yêu làm đất lạ hoá quê hương″.*  ⇒ Tình yêu có khả năng gắn kết những tâm hồn xa lạ.  **Câu 6:** Khúc hát lên đường  - Tiếng gọi của đất nước, của nhân dân, của đời sống trở thành động lực bên trong làm nhà thơ khao khát, bồn chồn: mắt ta thèm, tai tai nhớ, mắt ta nhớ, lòng ta cũng như tàu...  - Những hình ảnh có tính biểu tượng và ẩn dụ chỉ cuộc sống lớn của nhân dân... thành lời thôi thúc, mời gọi lên đường xây dựng Tây Bắc, xây dựng Tổ quốc.  - Âm hưởng đoạn thơ dồi dào lôi cuốn.  → Khao khát, bồn chồn, giục giã lên đường sôi nổi, mê say đáp lại lời mời gọi của hai khổ thơ đầu. |

***4. Củng cố:***  Những hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng trong bài thơ Tiếng hát con tàu.

Ngày giảng: ngày 8 tháng 12 năm 2020

**TUẦN 14**

Tiết 27,28 :  **SÓNG**

**- Xuân Quỳnh**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**: Qua bài học giúp HS: Cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn và niềm khát khao của người phụ nữ về một tình yêu thuỷ chung, bất diệt.Thấy được đặc sắc về nghệ thuật kết cấu, xây dựng hình ảnh, nhịp diệu và ngôn từ của bài thơ.

**2. Kĩ năng** :   Trình bày, trao đổi về mạch cảm xúc của bài thơ, về sự thể hiện hình tượng sóng và em trong bài thơ. Phân tích, so sánh, bình luận về vẻ đẹp của tình yêu trong thơ ca, về vẻ đẹp của gương mặt thơ Xuân Quỳnh.

**3. Thái độ**:  Tự nhận thức về vẻ đẹp tình yêu trong cuộc sống

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Nêu vài nét về tiểu sử Xuân Quỳnh có ảnh hưởng đến sự nghiệp văn học, là phong cách nghệ thuật thơ.  **Câu 2:** Bài thơ ra đời vào thời gian nào? Nhận xét về nghệ thuật kết cấu của bài thơ?  **II. Luyện tập**  **Câu 1 :** Nhận xét gì về 2 câu đầu ?  **Câu 2:** Cảm nhận như thế nào về khổ 3, 4?  **Câu 3:** Nội dung của khổ 5,6?  **Câu 4:** Cảm nhận hai khổ cuối của bài thơ?  **Câu 5:** Tìm các biện pháp nghệ thuật được dùng để thể hiện tâm tư và cảm xúc của tác giả?  **Câu 6:** Nhận xét về thể thơ, âm điệu, nhịp điệu bài thơ? Âm điệu, nhịp điệu đó được tạo nên bởi những yếu tố nào? | - Hs trình bày  - Hs trả lời  - Hs nhận xét  - Hs nêu cảm nhận khổ thơ  - Hs phân tích  - Hs cảm nhận  - Hs tìm các biện pháp nghệ thuật  - Hs nhận xét | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**Tác giả: Xuân Quỳnh (1942 – 1988)  - Mồ côi mẹ từ nhỏ, sống với bà nội, khao khát tình yêu thương.  - Một trong số ít gương mặt thơ trẻ thời chống Mĩ.  - Thơ Xuân Quỳnh là tiếng lòng của một tâm hồn phụ nữ nhiều trắc ẩn, vừa hồn nhiên, tươi tắn, vừa chân thành, đằm thắm và luôn da diết trong khát vọng hạnh phúc đời thường.  **Câu 2:**  - Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác: Sáng tác năm 1967 trong chuyến đi thực tế ở vùng biển Diêm Điền (Thái Bình). In trong tập Hoa dọc chiến hào (1968).  - Giá trị nội dung và nghệ thuật: Sóng là một bài thơ đặc sắc viết về tình yêu, rất tiêu biểu cho phong cách thơ Xuân Quỳnh.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:** Hai khổ đầu: Tình yêu là qui luật của muôn đời.  - dữ dội >< dịu êm  ồn ào >< lặng lẽ  ⇒ hai trạng thái đối nghịch của sóng cũng là những biến động khác thường về trạng thái tâm lí tình yêu của người phụ nữ đang yêu: tình yêu nồng nàn, mãnh liệt, đắm say nhưng cũng dịu dàng, e ấp, đầy nữ tính.  - Trước những trạng thái đối nghịch của lòng mình, sóng không thể nào tự lí giải được nên đã làm hành trình từ sông ra bể để thể hiện khát vọng tự nhận thức, cắt nghĩa hạnh phúc của mình. Đó là hành trình thoát khỏi khuôn khổ chật hẹp để tìm đến chân trời mới.  - Ra đến bể, con sóng thấy những dao động trái ngược kia là vĩnh hằng, muôn thuở với thời gian. Cũng như khao khát tình yêu của con người là khát vọng vĩnh hằng, muôn thuở. Nó luôn làm bồi hồi trái tim con người mà nhất là tuổi trẻ.  **Câu 2:** Khổ thơ 3 -4  - Tình yêu còn mang đến nhiều suy tư, trăn trở: nghĩa về người mình yêu, nghĩa về mình và về cuộc đời.  - Truy nguyên đến tận cội nguồn của sóng - tận nơi xuất phát của tình yêu, nhà thơ đành chịu ″em cũng không biết nữa″.  ⇒ Triết lí: ″chỉ có thể cảm nhận chứ không thể cắt nghĩa được tình yêu″  \* Cách nói hồn nhiên, chân thành, là tiếng nói của chính tâm trạng thực của người con gái vừa bước vào tình yêu.  **Câu 3:** khổ 5,6: Các sắc độ của tình yêu, tình yêu sắc son.  - Tình yêu đi liền với nỗi nhớ, nỗi nhớ là thước đo nồng độ của tình yêu: Sóng nhớ bờ - ngày đêm không ngủ, em nhớ anh: khi thức lẫn khi vô thức (mơ) ⇒ nỗi nhớ thật sâu đậm, chiếm cả tầng sâu, bề rộng (lòng sâu, mặt nước); khắc khoải trong mọi thời gian (ngày - đêm, mơ - thức), bao trùm không gian bao la (phương Bắc, phương Nam), choáng ngợp cả lòng người.  - Tâm hồn khao khát tình yêu ấy luôn hướng về sự thủy chung ( Hướng về anh một phương) như định hướng của sóng biển là bờ. Trong tình yêu chỉ có một hướng duy nhất là hướng về phía người mình yêu - ″Chiếc kim la bàn trong tình yêu″.  ⇒ Người phụ nữ khi yêu thật mạnh bạo, chân thành khi bày tỏ lòng mình.  **Câu 4:**  - Sử dụng nghệ thuật đối lập giữa cái vô hạn với cái hữu hạn vì thế mà Xuân Quỳnh hết mình trong tình yêu.  - Ở khổ cuối nhà thơ tự phân thân. Mong muốn tình yêu chung thủy nhưng không ích kỉ không chỉ có anh và em mà chan hòa vào tình yêu của mọi người có như vậy tình yêu mới vĩnh hằng ″nghìn năm còn vỗ″. Đây là khát vọng đẹp đẽ và đầy cảm động.  ⇒ Tình yêu của người phụ nữ trong thơ Xuân Quỳnh nồng nhiệt thiết tha, chủ động trong tình yêu, yêu hết mình, quên mình nhưng cũng đòi hỏi sự duy nhất, tuyệt đối luôn hướng về sự gắn bó thủy chung.  **Câu 5:** Sóng là sự tìm tòi sáng tạo nghệ thuật độc đáo của Xuân Quỳnh.  - Âm hưởng nhịp nhàng dào dạt, gợi ra những nhịp sóng dồn dập và liên tiếp. Lúc sôi nổi, lúc sâu lắng.  **Câu 6:**  - Thể thơ năm chữ, cách ngắt nhịp linh hoạt tạo nên nhịp điệu của sóng biển dào dạt, sôi nổi, lúc sâu lắng, dịu êm chạy suốt bài thơ.  - Tâm trạng: hồn nhiên, chân thành  - Hình tượng sóng được miêu tả trở đi trở lại mà không lặp, diễn tả được tâm hồn người phụ nữ. |

***4. Củng cố:***  Hình tượng Sóng

Ngày giảng: ngày 8 tháng 12 năm 2020

**TUẦN 15**

Tiết 29 :  **ĐỎ LÈN**

**- Nguyễn Duy**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Hiểu thêm về thơ Nguyễn Duy - “ một thế giới nội tâm có bản sắc”.

- Cảm nhận được tình cảm tri ân sâu sắc pha nỗi xót xa ân hận muộn màng của nhà thơ đối với người bà đã khuất.

- Hiểu được những nét riêng của Nguyễn Duy trong cách nhìn về quá khứ, về tuổi thơ cũng như trong cách thể hiện những cảm nhận về người bà lam lũ tảo tần giàu yêu thương.

**2. Kĩ năng** :   - Góp phần củng cố kĩ năng tiếp nhận văn bản văn học cho HS : Cách dùng PP đối chiếu, so sánh để tìm ra nét riêng của VBVH, của tác giả.

**3. Thái độ**:  Giáo dục tình cảm và hành vi đạo đức cho HS : Biết quý trọng người thân, biết hành động, quan tâm, chia xẻ đối với những người thân yêu nhất trong cuộc sống của mình.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Nêu vài nét chính về tác giả và tác phẩm?  **II. Luyện tập**  **Câu 1 :** Hình ảnh người bà , qua hồi ức của tác giả,hiện lên như thế nào ? ( các chi tiết, hình ảnh )  **Câu 2:** Hình ảnh người bà , qua hồi ức của tác giả, hiện lên như thế nào ?  **Câu 3:** Tình cảm của nhà thơ như thế nào khi nghĩ về người bà một thời tần tảo, yêu thương nuôi nấng mình ?  **Câu 4:** Để khắc hoạ hình ảnh người bà và gửi gắm tình cảm đối với bà, Nguyễn Duy đã sử dụng hiệu quả hai thủ pháp nghệ thuật nào? | - Hs trình bày  - Hs nêu các chi tiết, hình ảnh  - Hs trả lời  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs nêu biện pháp sử dụng | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  - Nguyễn Duy sinh năm 1948, quê ở Thanh Hóa  - Ông làm thơ tù rất sớm  - Ông làm thơ từ rất sớm, thơ Nguyễn Duy có sự hài hòa giữa cái duyên dáng, trữ tình với chất thế sự đậm đặc.  - Bài Lò Đèn được viết năm 1983, trong một dịp nhà thơ trở về quê hương sống, sống với những hồi ức đan xen nhiều buồn vui thời thơ ấu.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:** Cách nhìn về tuổi thơ của tác giả:  -Thời thơ ấu: câu cá , bắt chim sẻ ở vành tai tượng Phật,ăn trộm nhãn, đi chơi đền,chân đất đi đêm, níu váy bà đòi đi chợ...⇒ tinh nghịch, hiếu động, hồn nhiên.  - Cách nhìn: thành thực, thẳng thắng, tự nhiên, đậm chất quê, khác với lối thi vị hoá thường gặp ⇒ cách nhìn mới mẻ.  **Câu 2:**  - Hình ảnh người bà: mò cua xúc tép ,gánh chè xanh những đêm lạnh ,bán trứng ga Lèn ngày bom Mỹ dội, năm đói củ dong riềng luộc sượng.. .  ⇒ cơ cực, tần tảo, yêu thương .  **Câu 3:**  - Tình cảm của nhà thơ khi nghĩ về bà ngoại:  + Thấu hiểu nỗi cơ cực, tần tảo, tình yêu thương của bà .Thể hiện tình yêu thương, sự tôn kính, lòng tri ân sâu sắc đối với bà.  + Sự ân hận , ngậm ngùi , xót đau muộn màng:  *″Khi tôi biết thương bà thì đã muộn*  *Bà chỉ còn một nấm cỏ thôi″*  **Câu 4:**  - Sử dụng thủ pháp đối lập:  + Đối lập giữa cái tinh nghịch vô tư của người cháu với cái cơ cực, tần tảo của người bà.  + Đối lập giữa chiến tranh ác liệt với tình yêu thương của người bà.  + Đối lập giữa cái vĩnh hằng của vũ trụ với cái ngắn ngủi, hữu hạn của cuộc đời con người.  ⇒ thấu hiểu nỗi khổ cực của bà; thể hiện nỗi ngậm ngùi, sự ân hận muộn màng khi bà không còn nữa.  - Sử dụng phép so sánh đối chiếu:  + Giữa cái hư và cái thực; giữa bà với Tiên , Phật, thánh thần ⇒ tương đồng  + Giữa thần thánh với bà đặt trong một bối cảnh chiến tranh ⇒ tương phản  ⇒ Tôn vinh, ngợi ca tấm lòng nhân từ cao cả của bà.Khẳng định sự bất diệt của hình ảnh người bà. |

***4. Củng cố:***  Cái nhìn mới mẻ của Nguyễn Duy về tuổi thơ và cách thể hiện rất riêng của nhà thơ về tình cảm đối với người bà.

Ngày giảng: ngày 15 tháng 12 năm 2020

**TUẦN 15**

Tiết 30 :  **ĐÀN GHI TA CỦA LOR-CA**

**- Thanh Thảo**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

Qua bài học giúp HS: Hiểu được vẻ đẹp của hình tượng Lor-ca qua cách cảm nhận và tái hiện độc đáo của Thanh Thảo.Nắm được những nét đặc sắc trong kiểu tư duy thơ mới mẻ, hiện đai của tác giả.

**2. Kĩ năng** Trình bày, trao đối về mạch cảm xúc của bài thơ, về hình tượng Lor-ca, về cách thể hiện cảm xúc của tác giả. Phân tích, so sánh, bình luận về vẻ đẹp của hình tượng Lor-ca, về những sáng tạo độc đáo của Thanh Thảo trong bài thơ.

**3. Thái độ**:  Tự nhận thức về tinh thần bất khuất của người anh hùng dân tộc.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Nêu vài nét chính về nhà thơ Thanh Thảo, đặc biệt là phong cách sáng tác?  **Câu 2:** Em hãy xác định bố cục bài thơ?  **II. Luyện tập**  **Câu 1 :** Em có suy nghĩ gì khi bắt gặp hình ảnh *″Áo choàng đỏ gắt″, ″tiếng đàn ghi ta″...?*  **Câu 2:** Các hình ảnh ″*đi lang thang, vầng trăng chếnh choáng, yên ngựa mỏi mòn, hát nghêu ngao, li la...″ giúp ta liên tưởng đến điều gì?*  **Câu 3:** Tác giả đã tái hiện cái chết oan khuất của Lor-ca qua các h/ả, chi tiết nào?  **Câu 4:** Tiếng ″Li la- li la- li la″ trong bài thơ có ý nghĩa gì? | - Hs trình bày  - Hs xác định bố cục  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs nêu ý nghĩa | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:** Tác giả: Thanh Thảo.  - Được công chúng đặc biệt chú ý bởi những bài thơ và trường ca mang diện mạo độc đáo viết về chiến tranh và thời hậu chiến.  - Thơ Thanh Thảo là sự lên tiếng của người trí thức nhiều suy tư, trăn trở về các vấn đề xã hội và thời đại. Tuy nhiên, ông muộn cuộc sống phải được cảm nhận và thể hiện ở bề sâu nên luôn khước từ lối biểu đạt dễ dãi.  - Nỗ lực cách tân thơ Việt qua hình thức thơ tự do.  **Câu 2:** Bố cục: Gồm 4 phần:  \* Câu 1 – 6: Lor-ca – con người tự do, nghệ sĩ cách tân trong khung cảnh chính trị, nghệ thuật TBN.  \* Câu 7 - 18: Lor-ca với cái chết oan khuất và nỗi xót xa về sự dang dở của khát vọng cách tân nghệ thuật.  \* Câu 19 - 22: Niềm xót thương Lor-ca.  \* Câu 23 - 31: Suy tư về cuộc giải thoát và cách giã từ của Lor-ca.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:** - Áo choàng đỏ:  + Gợi bản sắc văn hoá Tây Ban Nha.  + Hình ảnh Lor-ca như một đấu sĩ với khát vọng dân chủ trước nền chính trị Tây Ban Nha độc tài lúc bấy giờ.  - Tiếng đàn:  + Ghi ta: nhạc cụ của người Tây Ban Nha.  + Tài năng nghệ thuật của Lor-ca với khát vọng cách tân nghệ thuật.  ⇒ Tiếng đàn bọt nước: đẹp, mong manh mà sinh sôi bất tận như ″bọt nước″ lặn rồi lại nổi làm dịu bớt và phần nào dập tắt màu ″đỏ gắt″ như đang bùng bùng thiêu đốt cả Tây Ban Nha.  ⇒ Sắc thắm dịu dàng của hoa ″li la″ (Tử đinh hương) đang nở ra bát ngát trên từng giai điệu >< bối cảnh chính trị Tây Ban Nha  **Câu 2:**  - Đi lang thang; vầng trăng chếnh choáng; yên ngựa mỏi mòn; hát nghêu ngao; li la...:  + Phong cách nghệ sĩ dân gian tự do.  + Sự cô đơn của Lor-ca trước thời cuộc chính trị, trước nghệ thuật Tây Ban Nha già cỗi.  **Câu 3:**  - Hình ảnh:  + Áo choàng bê bết đỏ – Gợi cảnh tượng khủng khiếp về cái chết của Lor-ca.  + Tiếng ghi ta:  • nâu: trầm tĩnh, nghĩ suy (màu ấm nóng).  • xanh: thiết tha, hy vọng.  • tròn bọt nước vỡ tan: bàng hoàng, tức tưởi.  • ròng ròng máu chảy: sự đau đớn, nghẹn ngào.  ⇒ Phép chuyển đổi cảm giác: tiếng đàn mang tâm tư, thành thân phận, linh hồn, sinh thể của người tạo ra nó. Nó đau đớn vỡ ra thành màu sắc, đường nét, hình khối.  *- Biện pháp nghệ thuật:*  *+ Đối lập:*  *Hát nghêu ngao >< áo choàng bê bết đỏ*  *↓ ↓*  *khát vọng >< hiện thực phũ phàng (giữa tiếng hát yêu đời vô tư , giữa tình yêu cái đẹp và hành động tàn ác, dã man).*  *+ Nhân hoá: Tiếng ghi ta... máu chảy.*  *+ Hoán dụ: Áo choàng, tiếng ghi ta Lor-ca.*  *+ Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác.*  *+ Gieo vần ″ây″ : khiến thơ như nhạc, nhạc như người. Tất cả như đang rướn mình lên kiên cường, không khuất phục*  *⇒ Khắc hoạ thật ấn tượng về cái chết đầy bi phẫn của người nghệ sĩ Lor-ca.*  **Câu 4:**  - Chuỗi âm thanh ″Li la- li la- li la″ luyến láy ở đầu và cuối như khúc dạo đầu và kết thúc bản nhạc. Bài thơ khép lại nhưng thực ra âm thanh ″Li la..″ đã mở ra một thế giới suy tưởng. Đó là chuỗi âm đêm ru lòng mai hậu, phần nào an ủi nỗi xót thương người nghệ sĩ.  - Sự kính trọng và tri âm Lor-ca- nghệ sĩ thiên tài. |

***4. Củng cố:***  Cái chết oan khuất của Lor-ca

Ngày giảng: ngày 15 tháng 12 năm 2020

**TUẦN 16**

Tiết 31 :  **BÁC ƠI**

**- Tố Hữu**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**: Qua bài học giúp HS: Cảm nhận được tình cảm của nhà thơ Tố Hữu, của nhân dân Việt Nam trước sự ra đi của vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc.

**2. Kĩ năng** : Đọc sáng tạo, gợi tìm, nghiên cứu.

**3. Thái độ**:  Hiểu hơn về con người Hồ Chí Minh với đầy đủ những phẩm chất cao đẹp.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Tố Hữu có đóng góp như thế nào với đề tài viết về Bác?  **Câu 2:** Em hãy cho biết hoàn cảnh ra đời của bài thơ?  **II. Luyện tập**  **Câu 1 :** Nỗi đau xót lớn lao khi Bác qua đời được thể hiện như thế nào? (Cảnh vật? Lòng người?) Giữa cảnh vật và con người có gì tương đồng?  **Câu 2:** Hình tượng Bác Hồ được thể hiện như thế nào?  **Câu 3:** Hãy cho biết cảm nghĩ của mọi người khi Bác ra đi? | - Hs trình bày  - Hs trả lời  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs phân tích  - Hs nêu cảm nghĩ | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  - Tác giả:  + Tố Hữu là nhà thơ viết về Bác nhiều nhất, có nhiều tác phẩm hay, sâu sắc và cảm động về Bác Hồ.  + Đó là tấm lòng của mọi người Việt Nam hướng về vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc.  **Câu 2:**  - Hoàn cảnh ra đời: Ngày 02/9/1969, Bác Hồ từ trần, để lại niềm tiếc thương vô hạn cho cả dân tộc Việt Nam. Trong hoàn cảnh ấy, Tố Hữu đã sáng tác bài thơ ″Bác ơi″.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Nỗi đau xót lớn lao trước sự kiện Bác qua đời.  - Lòng người:  + Xót xa, đau đớn: chạy về, lần theo lối sỏi quen thuộc, bơ vơ đứng nhìn lên thang gác.  + Bàng hoàng không tin vào sự thật: ″Bác đã đi rồi sao Bác ơi″  - Cảnh vật:  + Hoang vắng, lạnh lẽo, ngơ ngác (phòng im lặng, chuông không reo, rèm không cuốn, đèn không sáng...)  + Thừa thải, cô đơn, không còn bóng dáng Người.  - Không gian thiên nhiên và con người như có sự đồng điệu ″Đời tuôn nước mắt/ trời tuôn mưa″ → Cùng khóc thương trước sự ra đi của Bác  ⇒ Nỗi đau xót lớn lao bao trùm cả thiên nhiên đất trời và lòng người.  **Câu 2:** Hình tượng Bác Hồ.  - Giàu tình yêu thương đối với mọi người.  - Giàu đức hy sinh.  - Lẽ sống giản dị, tự nhiên, khiêm tốn.  ⇒ Hình tượng Bác Hồ cao cả, vĩ đại mà giản dị, gần gũi  **Câu 3:** Cảm nghĩ của mọi người khi Bác ra đi:  - Bác ra đi để lại sự thương nhớ vô bờ  - Lý tưởng, con đường cách mạng của Bác sẽ còn mãi soi đường cho con cháu.  - Yêu Bác → quyết tâm vươn lên hoàn thành sự nghiệp cách mạng.  ⇒ Lời tâm nguyện của cả dân tộc Việt Nam. |

***4. Củng cố:***  Nội dung và nghệ thuật bài thơ.

Ngày giảng: ngày 15 tháng 12 năm 2020

**TUẦN 16**

Tiết 32 :  **NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ**

**- Nguyễn Tuân**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**: Qua bài học giúp HS cảm nhận được vẻ đẹp của con sông Đà và hình tượng người lái đò. Từ đó hiểu được tình yêu say đắm của Nguyễn Tuân đối với thiên nhiên và con người lao động ở miền Tây Bắc Tổ quốc.Thấy được sự tài hoa, uyên bác của nhà văn và hiểu được những nét đặc sắc nghệ thuật của thiên tùy bút.

**2. Kĩ năng** : Tự nhận thức về vẻ đẹp của người lao động mới trong công cuộc dựng xây và phát triển đất nước; thấy được tấm lòng nâng niu, trân trọng các giá trị con người của tác giả.

**3. Thái độ**:  Phân tích, bình luận về cá tính sắc nét, độc đáo trong cách thể hiện hình tượng sông Đà và hình tượng người lái đò trong cuộc vượt thác.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1**: Hs nhớ lại và trình bày những nét cơ bản về tác giả đã được học ở bài Chữ người tử tù lớp 11. Cho biết thể loại và xuất xứ tác phẩm?  **Câu 2:** Vì sao có thể nói rằng, so với những tập tùy bút viết trước CM, Người lái đò sông Đà nói riêng và tập Sông Đà nói chung đã cho thấy diện mạo của một Nguyễn Tuân đã căn bản đổi thay, để trở thành một nhà văn mới trong thời đại mới?  **II. Luyện tập**  **Câu 1 :** Tác giả đã khắc họa sự hung bạo ấy trên nhiều dạng vẻ. Chỉ ra những dạng vẻ đó?  **Câu 2:** Để diễn tả chính xác và sinh động những gì Nguyễn Tuân quan sát thấy về sự hung bạo của dòng sông, tác giả đã thêm vào rất nhiều nét tài hoa vốn có nào? Thử nêu vài dẫn chứng minh họa?  **Câu 3:** Cách viết của nhà văn đã thay đổi thế nào khi chuyển sang biểu hiện sông Đà như một dòng chảy trữ tình? Dẫn chứng minh hoạ?  **Câu 4:** Phân tích hình tượng người lái đò trong cuộc chiến với con sông Đà hung bạo?  **Câu 5:** em có nhận xét gì về tính chất của cuộc chiến? | - Hs trình bày  - Hs trả lời  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs nêu dẫn chứng minh họa  - Hs nêu dẫn chứng minh họa  - Hs phân tích  - Hs nhận xét | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  Tác giả: (Xem lại phần tiểu dẫn bài Chữ người tử tù, SGK Ngữ văn 11, tập I, tr 107).  - Bài tùy bút được in trong tập Sông Đà (1960).  **Câu 2:**  - Cho thấy diện mạo của một Nguyễn Tuân mới mẻ, khao khát được hòa nhịp với đất nước và cuộc đời (không giống với Nguyễn Tuân trước cách mạng, con người chỉ muốn xê dịch cho khuây cảm giác ″thiếu quê hương″)  **II. Luyện tập**  **Câu 1:** Con sông Đà hung bạo:  - Quan sát công phu, tìm hiểu kĩ càng để khắc họa sự hung bạo trên nhiều dạng vẻ:  + Trong phạm vi một lòng sông hẹp, như chiếc yết hầu bị đá bờ sông chẹt cứng.  + Trong khung cảnh mênh mông hàng cây số của một thế giới đầy gió gùn ghè, đá giăng đến chân trời và sóng bọt tung trắng xóa.  + Những cái hút nước xoáy tít lôi tuột mọi vật xuống đáy sâu.  + Những trùng vi thạch trận sẵn sàng nuốt chết con thuyền và người lái.  + Âm thanh luôn thay đổi: oán trách à khiêu khích, chế nhạo → rống lên.  **Câu 2:**  - Mượn ở các ngành, các bộ môn trong và ngoài nghệ thuật để làm nên hàng loạt so sánh liên tưởng, tưởng tượng kì lạ, bất ngờ.  + Hình dung một cảnh tượng rất đỗi hoang sơ bằng cách liên tưởng đến hình ảnh của chốn thị thành, có hè phố, có khung cửa sổ trên ″cái tầng nhà thứ mấy nào vừa tắt phụt đèn điện″  + Tả cái hút nước quãng Tà Mường Vát: nước thở và kêu như cửa cống cái bị sặc, ặc ặc lên như vừa rót dầu sôi vào.  + Lấy hình ảnh ″ô tô sang số nhấn ga″ trên ″quãng đường mượn cạp ra ngoài bờ vực″ để ví von với cách chèo thuyền…  + Tưởng tượng về cú lia ngược của chiếc máy quay từ đáy cái hút nướcà cảm thấy có một cái thành giếng xây toàn bằng nước sông xanh ve một áng thủy tinh khối đúc dày.  + Dùng lửa để tả nước:  → Biểu tượng về sức mạnh dữ dội và vẻ đẹp hùng vĩ của thiên nhiên đất nước.  → Bậc kì tài trong lĩnh vực sử dụng ngôn từ (sự phá cách mà ngoại trừ các tay bút thực sự tài hoa, không ai làm nổi).  **Câu 3:**  - Dụng công tạo ra một không khí mơ màng, khiến người đọc có cảm giác như được lạc vào một thế giới kì ảo.  + Con sông giống như một cố nhân lâu ngày gặp lại.  + Nắng cũng ″giòn tan″ và cứ hoe hoe vàng mãi cái sắc Đường thi ″yên hoa tam nguyệt″  + Mũi thuyền lặng lẽ trôi trên dòng nước lững lờ như thương như nhớ.  + Con hươu thơ ngộ trên áng cỏ sương như biết cất lên câu hỏi không lời.  + Bờ sông hoang dại và hồn nhiên như một bờ tiền sử, phảng phất nỗi niềm cổ tích.  **Câu 4:**  - Hình tượng người lái đò trong cuộc chiến đấu với con sông Đà hung bạo  - Tính chất cuộc chiến: không cân sức  + Sông Đà: sóng nước hò reo quyết vật ngửa mình thuyền; thạch trận với đủ 3 lớp trùng vi vây bủa, được trấn giữ bởi những hòn đá ngỗ ngược, hỗn hào và nham hiểm → dữ dội, hiểm độc với sức mạnh được nâng lên hàng thần thánh.  + Con người: nhỏ bé, không hề có phép màu, vũ khí trong tay chỉ là chiếc cán chèo trên một con đò đơn độc hết chỗ lùi.  **Câu 5:**  - Thác dữ đã không chặn bắt được con thuyền; con người chiến thắng sức mạnh thần thánh của tự nhiên.  + Con người cưỡi lên thác ghềnh, xé toang hết lớp này đến lớp kia của trùng vi thạch trận; đè sấn được sóng gió, nắm chặt cái bờm sóng mà thuần phục sự hung hãn của dòng sông.  + Những thằng đá tướng phải lộ sự tiu nghỉu, thất vọng qua bộ mặt xanh lè. |

Ngày giảng: ngày 15 tháng 12 năm 2020

**TUẦN 17**

Tiết 33 :  **NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ (tt)**

**- Nguyễn Tuân**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**: Qua bài học giúp HS cảm nhận được vẻ đẹp của con sông Đà và hình tượng người lái đò. Từ đó hiểu được tình yêu say đắm của Nguyễn Tuân đối với thiên nhiên và con người lao động ở miền Tây Bắc Tổ quốc.Thấy được sự tài hoa, uyên bác của nhà văn và hiểu được những nét đặc sắc nghệ thuật của thiên tùy bút.

**2. Kĩ năng** : Tự nhận thức về vẻ đẹp của người lao động mới trong công cuộc dựng xây và phát triển đất nước; thấy được tấm lòng nâng niu, trân trọng các giá trị con người của tác giả.

**3. Thái độ**:  Phân tích, bình luận về cá tính sắc nét, độc đáo trong cách thể hiện hình tượng sông Đà và hình tượng người lái đò trong cuộc vượt thác.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **II. Luyện tâ**  **Câu 3:** Cách viết của nhà văn đã thay đổi thế nào khi chuyển sang biểu hiện sông Đà như một dòng chảy trữ tình? Dẫn chứng minh hoạ?  **Câu 4:** Phân tích hình tượng người lái đò trong cuộc chiến với con sông Đà hung bạo?  **Câu 5:** em có nhận xét gì về tính chất của cuộc chiến? | - Hs nêu dẫn chứng minh họa  - Hs phân tích  - Hs nhận xét | **II. Luyện tập**  **Câu 3:**  - Dụng công tạo ra một không khí mơ màng, khiến người đọc có cảm giác như được lạc vào một thế giới kì ảo.  + Con sông giống như một cố nhân lâu ngày gặp lại.  + Nắng cũng ″giòn tan″ và cứ hoe hoe vàng mãi cái sắc Đường thi ″yên hoa tam nguyệt″  + Mũi thuyền lặng lẽ trôi trên dòng nước lững lờ như thương như nhớ.  + Con hươu thơ ngộ trên áng cỏ sương như biết cất lên câu hỏi không lời.  + Bờ sông hoang dại và hồn nhiên như một bờ tiền sử, phảng phất nỗi niềm cổ tích.  **Câu 4:**  - Hình tượng người lái đò trong cuộc chiến đấu với con sông Đà hung bạo  - Tính chất cuộc chiến: không cân sức  + Sông Đà: sóng nước hò reo quyết vật ngửa mình thuyền; thạch trận với đủ 3 lớp trùng vi vây bủa, được trấn giữ bởi những hòn đá ngỗ ngược, hỗn hào và nham hiểm → dữ dội, hiểm độc với sức mạnh được nâng lên hàng thần thánh.  + Con người: nhỏ bé, không hề có phép màu, vũ khí trong tay chỉ là chiếc cán chèo trên một con đò đơn độc hết chỗ lùi.  **Câu 5:**  - Thác dữ đã không chặn bắt được con thuyền; con người chiến thắng sức mạnh thần thánh của tự nhiên.  + Con người cưỡi lên thác ghềnh, xé toang hết lớp này đến lớp kia của trùng vi thạch trận; đè sấn được sóng gió, nắm chặt cái bờm sóng mà thuần phục sự hung hãn của dòng sông.  + Những thằng đá tướng phải lộ sự tiu nghỉu, thất vọng qua bộ mặt xanh lè. |

**4. Củng cố:** Hình tượng Sông Đà hung bạo và trữ tình.

Ngày giảng: ngày 15 tháng 12 năm 2020

**TUẦN 17**

Tiết 34 :  **AI ĐÃ ĐẶT TÊN CHO DÒNG SÔNG**

**- Hoàng Phủ Ngọc Tường**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**: Giúp học sinh hiểu được:Thấy được tình yêu, niềm tự hào tha thiết, sâu lắng của tác giả dành cho dòng sông quê hương, cho xứ Huế thân yêu. Hiểu được đặc trưng của thể loại bút ký và đặc sắc nghệ thuật của bài ký.

**2. Kĩ năng** : Phân tích, bình luận về cá tính sắc nét trong sự thể hiện vẻ đẹp của dòng sông ở hai tác phẩm của Nguyễn Tuân và Hoàng Phủ Ngọc Tường.

**3. Thái độ**:  Tự nhận thức về tấm lòng trân trọng trước những giá trị văn hóa của đất nước, qua đó rút ra bài học về sự gắn bó của mỗi cá nhân với quê hương đất nước.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1**: Hãy nêu vài nét chính về tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường giúp ta hiểu sâu sắc hơn tác phẩm?  **Câu 2:** Hãy xác định vị trí và nội dung của đoạn trích? Chia bố cục và xác định nội dung của từng phần.  **II. Luyện tập**  **Câu 1 :** Sông Hương vùng thượng lưu được tác giả miêu tả như thế nào? Những hình ảnh, chi tiết, những liên tưởng và thủ pháp nghệ thuật nào cho thấy nét riêng trong lối viết kí của tác giả?  **Câu 2:** Khi chảy vào thành phố, sông Hương có nét đặc trưng gì?  **Câu 3:** Sông Hương trong mối quan hệ vớí lịch sử dân tộc như thế nào? | - Hs trình bày  - Hs xác định  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs nêu nét đặc trưng  - Hs phân tích trả lời | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  - Hoàng Phủ Ngọc Tường là một trí thức yêu nước, có vốn hiểu biết sâu rộng trên nhiều lĩnh vực.  - Quê gốc ở Quảng Trị sống, học tập, trưởng thành và gắn bó sâu sắc với Huế.  - Chuyên viết thể loại bút ký.  - Phong cách nghệ thuật: kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất trí tuệ và tính trữ tình, giữa nghị luận sắc bén với suy tư đa chiều được tổng hợp từ vốn kiến thức phong phú về triết học, văn hoá, lịch sử, địa lý... Tất cả được thể hiện qua lối hành văn hướng nội, súc tích, mê đắm và tài hoa  **Câu 2:**  - Vị trí: đoạn trích thuộc phần đầu của tác phẩm. Tác giả xuôi theo sông Hương từ thượng nguồn đến cửa biển và trình bày những hiểu biết của mình về dòng sông.  - Bố cục:  + Đoạn 1: ″Trong những dòng sông…dưới chân núi Kim Phụng″: Sông Hương vùng thượng nguồn là dòng chảy có mối quan hệ sâu sắc với dãy Trường Sơn.  + Đoạn 2: Từ ″Phải nhiều thế kỷ ... quê hương xứ sở″: Sông Hương những mối quan hệ với kinh thành Huế.  + Đoạn 3: ″Hiển nhiên là sông Hương... cho dòng sông?″: Sông Hương trong mối quan hệ với lịch sử dân tộc, với cuộc đời và thi ca.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Sông Hương vùng thượng nguồn- quan hệ sâu sắc với dãy Trường Sơn: Tên gốc: ″A Pàng″ → dòng sông tựa như ″Đời người″, nó đã chở đầy phận người từ thuở giọt địa chất sinh ra (Sử thi buồn) ⇒ cảm xúc hướng nội.  - ″rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc vào những đáy vực bí ẩn″ → Sự mãnh liệt, hoang dại.  - ″dịu dàng và say đắm giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng″ (màu sắc rực rỡ)→ Vẻ đẹp dịu dàng, say đắm.  - ″như một cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại″ (nhân hoá), rừng già đã hun đúc một bản lĩnh gan dạ, một tâm hồn tự do và trong sáng  **Câu 2:**  - Sông Hương chảy vào thành phố: Sông Hương ″tìm đúng đường về″.  - Sông Hương vui tươi hẳn lên → gặp thành phố như đến với điểm hẹn tình yêu.  - chiếc cầu trắng của thành phố in ngần trên nền trời, nhỏ nhắn như những vành trăng non.  - uốn một cánh ung rất nhẹ sang đến Cồn Hến, đường cong làm cho dòng sông mềm hẳn đi, như một tiếng ″vâng″ không nói ra của tình yêu.  - Chảy lặng lờ như điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế.  - ngập ngừng như muốn đi, muốn ở, chao nhẹ trên mặt nước như những vấn vương của một nỗi lòng.  ⇒ Sông Hương êm dịu, mềm mại, chậm rãi, ngập ngừng như có ″những vấn vương của một nỗi lòng″ không nỡ rời xa thành phố.  - trăm nghìn ánh hoa đăng bồng bềnh vào những đêm hội rằm thánh Bảy→ vẻ đẹp lộng lẫy.  - như sực nhớ một điều gì chưa kịp nói, nó đột ngột đổi dòng, rẽ ngoặt sang hướng đông tây để gặp lại thành phố lần cuối … nỗi vương vấn cả một chút lẳng lơ kín đáo của tình yêu → phát hiện độc đáo.  🡪 Tóm lại, sông Hương như một cô gái Huế tài hoa, dịu dàng mà sâu sắc; đa tình mà kín đáo; lẳng lơ nhưng rất mực chung tình, khoé trang điểm mà không loè loẹt như cô dâu Huế ngày xưa trong sắc áo điều lục.  **Câu 3:** Với lịch sử dân tộc:  - Dòng sông biên thuỳ xa xôi của đất nước các vua Hùng.  - Dòng Linh Giang (dòng sông thiêng) trong sách Dư địa chí của Nguyễn Trãi.  - Dòng sông viễn châu đã chiến đấu oanh liệt bảo vệ biên giới phía nam của Tổ quốc Đại Việt qua những thế kỉ trung đại.  - Nó vẻ vang soi bóng kinh thành Phú Xuân của người anh hùng Nguyễn Huệ.  - Nó sống hết lịch sử bi tráng của thế kỉ XIX với máu của những cuộc khởi nghĩa.  - Nó đi vào thời đại Cách mạng tháng Tám bằng những chiến công rung chuyển.  ⇒ Sông Hương mang vẻ đẹp của một bản hùng ca ghi dấu những thế kỉ vinh quang từ thời vua Hùng dựng nước đến Cách mạng tháng Tám thàng công. |

***4. Củng cố:*** Sông Hương trong tâm cảm của tác giả.

**Tuần 18: THI HỌC KỲ I**